

TỰ HỌC VÀ TRA CỨU

KẾ TOÁN THỰC HÀNH TỪ A ĐẾN Z

Dành cho người mới vào nghề đến người đã có kinh nghiệm · Cập nhật quy định 2026

Practical Accounting from A to Z — for beginners and working accountants

Tổng quan nghề · Con đường vào nghề · Kiến thức nền · Công việc hằng ngày đến cuối năm
· Công cụ, phần mềm · Văn bản pháp luật · Lỗi hay gặp · 90 ngày đầu · Lộ trình, lương ·
Tìm việc, phỏng vấn

Cập nhật Thông tư 99/2025/TT-BTC và các luật thuế hiệu lực năm 2026

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Tổng quan nghề kế toán — Chapter 1. The accounting profession at a glance	6
1.1. Kế toán làm những việc gì — <i>What accountants actually do</i>	6
1.2. Kế toán tài chính, quản trị, tổng hợp và chi tiết — <i>Financial, management, general ledger and subsidiary ledger accounting</i>	9
1.3. Nơi người làm kế toán làm việc — <i>Where accountants work</i>	11
1.4. Các vị trí trong phòng kế toán — <i>Roles in an accounting department</i>	13
1.5. Bộ máy kế toán của Hoàng Lâm — <i>The accounting team at Hoàng Lâm</i>	17
1.6. Một ngày làm việc của Minh Thư — <i>A day in the life of Minh Thư</i>	19
1.7. Quan hệ với phòng ban và bên ngoài — <i>Working with other departments and outside bodies</i>	21
1.8. Điều cấm, điều kiện và người không được làm kế toán — <i>Prohibited acts, requirements and who may not work as an accountant</i>	24
1.9. Đạo đức nghề nghiệp — <i>Professional ethics</i>	29
1.10. Phần mềm và AI: máy làm gì, người làm gì — <i>Software and AI: what machines do and what people do</i>	31
1.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	33
Chương 2. Con đường vào nghề kế toán — Chapter 2. Getting into accounting	35
2.1. Bằng cấp, ngành học và vị trí đầu tiên — <i>Qualifications, fields of study and your first post</i>	35
2.2. Người trái ngành vào nghề bằng đường nào — <i>Career changers: routes into the profession</i>	37
2.3. Chứng chỉ trong nước — <i>Domestic professional certificates</i>	39
2.4. Điều kiện làm kế toán trưởng — <i>Conditions for becoming chief accountant</i>	43
2.5. Chứng chỉ quốc tế — <i>International qualifications</i>	45
2.6. Khi nào nên học chứng chỉ nào — <i>Which qualification, and when</i>	47
2.7. Kỹ năng cần có trước khi nhận việc — <i>Skills to have before you start</i>	48
2.8. Lộ trình tự học 24 tuần cho người trái ngành — <i>A 24-week self-study plan for career changers</i>	51
2.9. Thực tập: xin ở đâu, làm gì để được giữ lại — <i>Internships: where to apply and how to be kept on</i>	55
2.10. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	57
Chương 3. Kiến thức nền cốt lõi — Chapter 3. Core knowledge	58
3.1. Phương trình kế toán và số dư đầu kỳ của Hoàng Lâm — <i>The accounting equation and Hoàng Lâm's opening balances</i>	58
3.2. Hệ thống tài khoản theo Thông tư 99/2025/TT-BTC — <i>The chart of accounts under Circular 99/2025/TT-BTC</i>	61
3.3. Tài khoản người mới dùng hằng ngày — <i>Accounts a newcomer uses every day</i>	63

3.4. Từ Thông tư 200 sang Thông tư 99: những chỗ đã đổi — <i>From Circular 200 to Circular 99: what has changed</i>	66
3.5. Ghi sổ kép và định khoản — <i>Double entry and journal entries</i>	68
3.6. Chứng từ kế toán và hóa đơn — <i>Accounting documents and invoices</i>	72
3.7. Sổ kế toán, Nhật ký chung, khóa sổ và sửa sổ — <i>Ledgers, the general journal, closing and correcting the books</i>	77
3.8. Báo cáo tài chính theo Thông tư 99 — <i>Financial statements under Circular 99</i>	80
3.9. Các nguyên tắc kế toán qua tình huống Hoàng Lâm — <i>Accounting principles through Hoàng Lâm's cases</i>	84
3.10. Thuế người mới phải hiểu: GTGT, TNDN, TNCN — <i>Taxes a newcomer must understand: VAT, CIT, PIT</i>	85
3.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	91
Chương 4. Công việc của kế toán hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng — Chapter 4. An accountant's daily, weekly and monthly work	93
4.1. Lịch công việc kế toán theo ngày, tuần, tháng, quý, năm — <i>4.1. The accounting calendar: daily, weekly, monthly, quarterly, annual</i>	93
4.2. Quy trình mua hàng, nhập kho, thanh toán — <i>4.2. Purchasing, receiving and paying</i>	98
4.3. Quy trình bán hàng, xuất hóa đơn, thu tiền — <i>4.3. Selling, invoicing and collecting</i>	103
4.4. Thu, chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng — <i>4.4. Cash and bank receipts and payments</i>	108
4.5. Quản lý kho hàng — <i>4.5. Warehouse management</i>	112
4.6. Công nợ phải thu, phải trả — <i>4.6. Receivables and payables</i>	116
4.7. Tiền lương và các khoản trích theo lương — <i>4.7. Payroll and payroll-related contributions</i>	121
4.8. Khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí chờ phân bổ — <i>4.8. Depreciation and amortisation of prepayments</i>	128
4.9. Khóa sổ cuối tháng — <i>4.9. Month-end close</i>	132
4.10. Thuế hằng quý: GTGT, TNCN, TNDN tạm nộp — <i>4.10. Quarterly taxes: VAT, personal income tax, provisional corporate income tax</i>	137
4.11. Công việc cuối năm — <i>4.11. Year-end work</i>	141
4.12. Lịch thuế, báo cáo tài chính và bảo hiểm năm 2027 — <i>4.12. Tax, financial reporting and insurance calendar for 2027</i>	145
4.13. Việc cần làm ngay — <i>4.13. Action checklist</i>	147
Chương 5. Công cụ và phần mềm — Chapter 5. Tools and software	149
5.1. Excel trong phòng kế toán: việc nào giao cho Excel — <i>Excel in the accounts office: what belongs in Excel</i>	149
5.2. Mười ba hàm kế toán dùng nhiều nhất — <i>The thirteen functions accountants use most</i>	151
5.3. Bốn bảng đối chiếu của Hoàng Lâm — <i>Four reconciliation sheets for Hoàng Lâm</i>	153
5.4. PivotTable, Data Validation và lỗi Excel hay gặp — <i>PivotTable, Data Validation and common Excel errors</i>	158

5.5. Phần mềm kế toán: cách tổ chức và cách dùng — <i>Accounting software: how it is organised and used</i>	160
5.6. Hóa đơn điện tử và chữ ký số — <i>Electronic invoices and digital signatures</i>	165
5.7. Khai, nộp thuế và bảo hiểm xã hội bằng điện tử — <i>Filing and paying tax and social insurance electronically</i>	169
5.8. Ngân hàng điện tử: lập, duyệt và đối chiếu — <i>Electronic banking: prepare, approve and reconcile</i>	172
5.9. Lưu trữ chứng từ điện tử — <i>Storing electronic documents</i>	174
5.10. Bảo mật mật khẩu, tài khoản và chữ ký số — <i>Securing passwords, accounts and digital signatures</i>	176
5.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	178

Chương 6. Văn bản pháp luật kế toán cần biết — Chapter 6. Laws and regulations every accountant must know 179

6.1. Hệ thống văn bản và cách đọc văn bản hợp nhất — <i>The hierarchy of legal texts and how to read a consolidated text</i>	179
6.2. Bảng tổng hợp văn bản cần có trong máy — <i>Master list of texts to keep on your computer</i>	182
6.3. Tra cứu văn bản, kiểm hiệu lực và theo dõi văn bản mới — <i>Finding texts, checking they are in force and following new ones</i>	189
6.4. Luật Kế toán, nghị định hướng dẫn và ba chế độ kế toán — <i>The Accounting Law, its decree and the three accounting regimes</i>	192
6.5. Thuế: quản lý thuế, GTGT, TNDN, TNCN, hộ kinh doanh — <i>Tax: administration, VAT, CIT, PIT and business households</i>	195
6.6. Hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử — <i>E-invoices and e-vouchers</i>	200
6.7. Lao động, bảo hiểm và Luật Doanh nghiệp — <i>Labour, insurance and the Enterprise Law</i>	202
6.8. Xử phạt và tiền chậm nộp — <i>Penalties and late-payment interest</i>	206
6.9. Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán — <i>Retention periods for accounting records</i>	209
6.10. Những thay đổi lớn năm 2025–2026 — <i>Major changes in 2025–2026</i>	211
6.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	213

Chương 7. Lỗi kế toán mới hay mắc và cách tránh — Chapter 7. Common mistakes of new accountants and how to avoid them 215

7.1. Bản đồ lỗi: tám nhóm, ba mươi bốn lỗi — <i>7.1. Map of mistakes: eight groups, thirty-four errors</i>	215
7.2. Nhóm A. Chứng từ và hóa đơn — <i>7.2. Group A. Vouchers and invoices</i>	217
7.3. Nhóm B. Hạch toán — <i>7.3. Group B. Posting</i>	221
7.4. Nhóm C. Kho và giá vốn — <i>7.4. Group C. Inventory and cost of sales</i>	223
7.5. Nhóm D. Công nợ — <i>7.5. Group D. Receivables and payables</i>	225
7.6. Nhóm E. Lương, bảo hiểm và thuế TNCN — <i>7.6. Group E. Payroll, insurance and personal income tax</i>	226
7.7. Nhóm F. Thuế — <i>7.7. Group F. Taxes</i>	229
7.8. Nhóm G. Báo cáo tài chính — <i>7.8. Group G. Financial statements</i>	231
7.9. Nhóm H. Cách làm việc hằng ngày — <i>7.9. Group H. Daily working habits</i>	232

7.10. Sửa sai bằng định khoản điều chỉnh và cách báo sai — 7.10. <i>Correcting with adjusting entries, and how to report an error</i>	235
7.11. Việc cần làm ngay — 7.11. <i>Action checklist</i>	240
Chương 8. 90 ngày đầu đi làm kế toán — Chapter 8. Your first 90 days as an accountant	241
8.1. Trước ngày đầu tiên — <i>Before day one</i>	241
8.2. Hợp đồng và thử việc — <i>Contract and probation</i>	244
8.3. Tuần 1: nhận bàn giao — <i>Week 1: taking over</i>	245
8.4. Đọc quy chế và danh mục của công ty — <i>Reading the company's rules and master data</i>	248
8.5. Kế hoạch 13 tuần — <i>A 13-week plan</i>	250
8.6. Mốc 30, 60 và 90 ngày — <i>The 30, 60 and 90-day marks</i>	253
8.7. Thư ở Hoàng Lâm từ tháng 10 đến tháng 12/2026 — <i>Thư at Hoàng Lâm, October to December 2026</i>	254
8.8. Câu hỏi nên hỏi kế toán trưởng — <i>Questions to ask the chief accountant</i>	257
8.9. Hỏi khi không biết, báo khi sai — <i>Asking when you do not know, reporting when you are wrong</i>	260
8.10. Làm việc với kho, kinh doanh và ngân hàng — <i>Working with the warehouse, sales and the bank</i>	262
8.11. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	263
Chương 9. Lộ trình thăng tiến và lương kế toán tham khảo — Chapter 9. Accountant career path and salary benchmarks	265
9.1. Thang nghề trong doanh nghiệp — <i>The career ladder inside a company</i>	265
9.2. Con đường tới ghế kế toán trưởng — <i>The road to chief accountant</i>	270
9.3. Nhánh rẽ khỏi kế toán doanh nghiệp — <i>Branches away from company accounting</i>	272
9.4. Hành nghề dịch vụ kế toán — <i>Practising accounting services</i>	274
9.5. Lương: tự tra thay vì tin một con số — <i>Pay: research it yourself instead of trusting one figure</i>	276
9.6. Từ lương gộp đến thực lĩnh — <i>From gross pay to take-home pay</i>	278
9.7. Cách tăng thu nhập — <i>Ways to raise your income</i>	282
9.8. Lộ trình năm năm của Nguyễn Minh Thư — <i>Nguyễn Minh Thư's five-year route</i>	284
9.9. Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	286
Chương 10. Tìm việc kế toán: CV, phỏng vấn và bài kiểm tra — Chapter 10. Finding an accounting job: CV, interviews and tests	287
10.1. Đọc tin tuyển dụng — <i>Reading a job advertisement</i>	287
10.2. CV kế toán một trang — <i>A one-page accounting CV</i>	289
10.3. Thư xin việc — <i>The covering letter</i>	293
10.4. Các vòng tuyển dụng và cách chuẩn bị — <i>Interview stages and preparation</i>	294
10.5. Hai mươi tám câu hỏi phỏng vấn kế toán — <i>Twenty-eight accounting interview questions</i>	296
10.6. Bài kiểm tra nghiệp vụ mẫu mười câu — <i>A ten-question technical test</i>	302
10.7. Câu hỏi nên hỏi nhà tuyển dụng — <i>Questions to ask the employer</i>	306

10.8. Thỏa thuận lương gross và net — <i>Negotiating gross and net pay</i>	307
10.9. Hợp đồng lao động và thử việc — <i>Employment contract and probation</i>	309
10.10. Dấu hiệu nhà tuyển dụng rủi ro — <i>Warning signs in an employer</i>	310
Việc cần làm ngay — <i>Action checklist</i>	312
Phụ lục A. Biểu mẫu dùng ngay — <i>Appendix A. Ready-to-use forms</i>.....	313
A.1. Nguyên tắc dùng biểu mẫu — <i>Principles for using the forms</i>	313
A.2. Chứng từ tiền mặt và thanh toán — <i>Cash and payment documents</i>	314
A.3. Chứng từ và sổ kho — <i>Inventory documents and records</i>	318
A.4. Đối chiếu và theo dõi công nợ — <i>Reconciling and ageing balances</i>	322
A.5. Lương và tài sản cố định — <i>Payroll and fixed assets</i>	325
A.6. Bảng kê hóa đơn và thuế GTGT — <i>Invoice listing and VAT</i>	327
A.7. Khóa sổ tháng và bàn giao — <i>Month-end close and handover</i>	329
Phụ lục B. Thuật ngữ Anh – Việt — <i>Appendix B. English – Vietnamese glossary</i>	333

Chương 1. Tổng quan nghề kế toán — Chapter 1. The accounting profession at a glance

Sau chương này bạn làm được — *What you will be able to do*

- Đối chiếu sổ dư sổ tổng hợp với sổ chi tiết của TK 131, 331 và 156 rồi chỉ ra chênh lệch nằm ở đâu.
Reconcile the control account with the subsidiary ledger for accounts 131, 331 and 156 and locate any difference.
- Tra đúng Điều trong Luật Kế toán khi cần: Điều 3 và 4 (kế toán là gì), Điều 9 (bốn loại kế toán), Điều 13 (hành vi cấm), Điều 51 đến 55 (người làm kế toán, kế toán trưởng).
Find the right Article of the Accounting Law quickly: Articles 3 and 4 (what accounting is), Article 9 (the four kinds of accounting), Article 13 (prohibited acts) and Articles 51 to 55 (accountants and the chief accountant).
- Xác định vị trí mình sẽ làm trong phòng kế toán và phân biệt người làm kế toán với thủ kho, thủ quỹ.
Identify the role you will hold in an accounting department and tell an accountant apart from a storekeeper or cashier.
- Lập danh sách phòng ban và cơ quan bên ngoài mình làm việc cùng, kèm hồ sơ hai bên trao đổi.
List the departments and outside bodies you will deal with, together with the documents passed each way.
- Tách việc phần mềm hoặc AI làm được khỏi việc bạn phải kiểm, ký và chịu trách nhiệm.
Separate what software or AI can do from what you must check, sign and answer for.

1.1. Kế toán làm những việc gì — *What accountants actually do*

Luật Kế toán định nghĩa tại Điều 3 khoản 8: “Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.” Năm động từ trong câu là năm loại việc xuất hiện trong một ngày làm việc của người mới, theo đúng thứ tự đó.

The Accounting Law defines the term in Article 3, clause 8: “Accounting is the collection, processing, checking, analysis and provision of economic and financial information in the form of value, physical quantities and labour time.” The five verbs are five kinds of work in a newcomer’s day, in that order.

Động từ (Điều 3 khoản 8) <i>Verb (Art. 3, cl. 8)</i>	Việc cụ thể ở Hoàng Lâm <i>Example at Hoàng Lâm</i>	Sản phẩm bạn để lại <i>What you leave behind</i>
Thu thập <i>Collect</i>	02/10/2026 nhận hóa đơn của Công ty CP Sơn Tân Phong: 400 thùng SN18 $\times$ 1.160.000 = 464.000.000, GTGT 8% = 37.120.000, cộng 501.120.000 <i>On 2 October 2026 you receive the invoice from Công ty CP Sơn Tân Phong: 400 drums of SN18 $\times$ 1,160,000 = 464,000,000, VAT at 8% = 37,120,000, total 501,120,000</i>	Hóa đơn điện tử, bộ chứng từ đánh số <i>Electronic invoice and a numbered document file</i>
Xử lý <i>Process</i>	Định khoản Nợ 156, Nợ 1331, Có 331 rồi ghi vào Nhật ký chung trên phần mềm <i>Journal Dr 156, Dr 1331, Cr 331 and post to the general journal in the software</i>	Bút toán trong Nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết 331 <i>Journal entry, general ledger and the 331 subsidiary ledger</i>
Kiểm tra <i>Check</i>	Đối chiếu số lượng, đơn giá, mã số thuế trên hóa đơn với đơn đặt hàng và với 400 thùng thủ kho Đỗ Văn Hùng đã đếm <i>Match quantity, unit price and tax code on the invoice to the purchase order and to the 400 drums the storekeeper Đỗ Văn Hùng counted</i>	Chữ ký xác nhận trên phiếu nhập kho; ghi chú chênh lệch nếu có <i>Signature on the goods received note; a note of any difference</i>
Phân tích <i>Analyse</i>	Đơn giá nhập 1.160.000 cao hơn đơn giá đầu kỳ 1.150.000 là 10.000 đồng, 0,9%; báo trưởng phòng kinh doanh để xem lại bảng giá bán <i>The purchase price of 1,160,000 is 10,000 dong (0.9%) above the opening price of 1,150,000; tell the sales manager so the selling price list can be reviewed</i>	Một ghi chú gửi kế toán trưởng <i>A note to the chief accountant</i>
Cung cấp <i>Provide</i>	Gửi phòng kinh doanh báo cáo nhập – xuất – tồn; cuối quý đưa số liệu vào tờ khai GTGT nộp cơ quan thuế <i>Send sales the stock movement report; at quarter-end feed the figures into the VAT return filed with the tax authority</i>	Báo cáo nhập – xuất – tồn, tờ khai thuế <i>Stock movement report and tax return</i>

Định khoản / Journal entries

02/10	Nợ TK 156 – Hàng hóa.....	464.000.000
	Nợ TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.....	37.120.000
	Có TK 331 – Phải trả cho người bán.....	501.120.000

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một nghiệp vụ, ba người nhìn ba con số. Thủ kho thấy 400 thùng sơn. Kế toán thấy 464.000.000 đồng hàng hóa cộng 37.120.000 đồng thuế GTGT được khấu trừ. Giám đốc thấy khoản nợ Sơn Tân Phong tăng 501.120.000 đồng. Bút toán trên là chỗ ba

con số gặp nhau; lệch một trong ba thì số sai.

One transaction, three people, three figures. The storekeeper sees 400 drums of paint. The accountant sees 464,000,000 dong of goods plus 37,120,000 dong of recoverable VAT. The director sees the debt to Sơn Tân Phong rise by 501,120,000 dong. The entry above is where the three figures meet; if one of them is off, the books are wrong.

Điều 4 giao cho kế toán bốn nhiệm vụ. Mỗi nhiệm vụ có một việc cụ thể ở Hoàng Lâm.

Article 4 gives accounting four tasks. Each one has a concrete job at Hoàng Lâm.

Khoản Clause	Nhiệm vụ theo Điều 4 Task under Article 4	Việc của bạn ở Hoàng Lâm Your job at Hoàng Lâm
1	Thu thập, xử lý thông tin, số liệu theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán <i>Collect and process information and data by accounting object and type of work, in line with accounting standards and the accounting regime</i>	Ghi sổ theo hệ thống tài khoản của Thông tư 99/2025/TT-BTC <i>Post to the chart of accounts of Circular 99/2025/TT-BTC</i>
2	Kiểm tra, giám sát thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; quản lý, sử dụng tài sản; phát hiện, ngăn ngừa vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán <i>Check and supervise receipts and payments, obligations to collect, pay and settle debts, and the use of assets; detect and prevent breaches of finance and accounting law</i>	Không lập phiếu chi khi chứng từ chưa đủ chữ ký; theo dõi khoản nợ 460.000.000 của Thành Đô đến khi thu ngày 12/10/2026 <i>Do not issue a payment voucher before the document is fully signed; follow Thành Đô's debt of 460,000,000 until it is collected on 12 October 2026</i>
3	Phân tích thông tin, số liệu; tham mưu, đề xuất giải pháp phục vụ quản trị và quyết định kinh tế, tài chính <i>Analyse the data; advise and propose solutions for management and for economic and financial decisions</i>	Cuối tháng 10, lãi gộp một thùng SN18 bán cho Thành Đô: 1.450.000 – 1.154.000 = 296.000 đồng (20,4%); một bao BB40 bán lẻ: 265.000 – 213.000 = 52.000 đồng (19,6%) <i>At the end of October the gross profit on one drum of SN18 sold to Thành Đô is 1,450,000 – 1,154,000 = 296,000 dong (20.4%); on one retail bag of BB40 it is 265,000 – 213,000 = 52,000 dong (19.6%)</i>
4	Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật <i>Provide accounting information as the law requires</i>	Trả lời cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội, kiểm toán viên bằng số liệu lấy từ sổ, kèm chứng từ <i>Answer the tax authority, the social insurance agency and auditors with figures taken from the books, with documents attached</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhập kho theo hóa đơn mà không đối chiếu số thủ kho đếm. Hóa đơn ghi 400 thùng, kho đếm được 392 thùng, sổ vẫn ghi 400: tồn số sách cao hơn thực tế 8 thùng $\times 1.160.000 = 9.280.000$ đồng. Khoản lệch nằm im đến đợt kiểm kê

cuối kỳ kế toán năm (Điều 40 khoản 2 điểm a) rồi mới lộ ra. Đối chiếu ngay ngày nhập, ghi số thực nhận.

Posting goods in from the invoice without matching the storekeeper's count. The invoice says 400 drums, the warehouse counted 392, and the books still show 400: book stock exceeds real stock by 8 drums $\times 1,160,000 = 9,280,000$ dong. The difference sits unnoticed until the stocktake at the end of the annual accounting period (Article 40, clause 2(a)). Match on the day of receipt and post the quantity actually received.

1.2. Kế toán tài chính, quản trị, tổng hợp và chi tiết — *Financial, management, general ledger and subsidiary ledger accounting*

Điều 9 khoản 1: kế toán ở đơn vị gồm kế toán tài chính và kế toán quản trị. Khoản 2: khi làm cả hai loại, đơn vị phải làm kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết. Bốn tên gọi này là bốn câu hỏi: ai đọc số liệu (tài chính hay quản trị) và số liệu ghi ở mức nào (tổng hợp hay chi tiết).

Article 9, clause 1: accounting in a unit comprises financial accounting and management accounting. Clause 2: when doing both, the unit must keep general ledger accounting and subsidiary ledger accounting. The four names answer two questions: who reads the figures (financial or management) and at what level they are recorded (general or detailed).

Loại <i>Kind</i>	Người dùng thông tin <i>Who uses it</i>	Sản phẩm ở Hoàng Lâm <i>Output at Hoàng Lâm</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Kế toán tài chính <i>Financial accounting</i>	Người ngoài đơn vị: cơ quan thuế, ngân hàng cho vay, người góp vốn, nhà cung cấp <i>People outside the unit: tax authority, lending bank, capital providers, suppliers</i>	Báo cáo tài chính năm, sổ sách và chứng từ theo Thông tư 99/2025 <i>Annual financial statements, books and documents under Circular 99/2025</i>	Điều 3 khoản 9 <i>Art. 3, cl. 9</i>
Kế toán quản trị <i>Management accounting</i>	Giám đốc, trưởng phòng kinh doanh <i>The director and the sales manager</i>	Bảng lãi gộp theo mặt hàng, bảng tuổi nợ, báo cáo nhập – xuất – tồn hàng tuần <i>Gross profit by product, debt ageing, weekly stock movement report</i>	Điều 3 khoản 10; Điều 9 khoản 3 giao Bộ Tài chính hướng dẫn <i>Art. 3, cl. 10; Art. 9, cl. 3 leaves guidance to the Ministry of Finance</i>
Kế toán tổng hợp <i>General ledger accounting</i>	Người đọc báo cáo cần bức tranh chung <i>Readers who need the overall picture</i>	Số dư tổng quát bằng tiền trên sổ cái: TK 131, 156, 331 <i>Overall balances in money on the general ledger: 131, 156, 331</i>	Điều 9 khoản 2 điểm a <i>Art. 9, cl. 2(a)</i>

Loại <i>Kind</i>	Người dùng thông tin <i>Who uses it</i>	Sản phẩm ở Hoàng Lâm <i>Output at Hoàng Lâm</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Kế toán chi tiết <i>Subsidiary ledger accounting</i>	Người điều hành từng đối tượng: khách hàng, mặt hàng, nhân viên <i>People running each object: customer, product, employee</i>	Sổ chi tiết 131 theo khách, thẻ kho theo mã hàng, bảng lương theo người <i>Receivables ledger by customer, stock card by item, payroll by person</i>	Điều 9 khoản 2 điểm b <i>Art. 9, cl. 2(b)</i>

Điều 9 khoản 2 điểm b đặt một điều kiện cứng: số liệu chi tiết phải khớp đúng với số liệu tổng hợp trong một kỳ kế toán. Cuối tháng 10/2026 Minh Thư làm phép đối chiếu sau cho ba tài khoản.

Article 9, clause 2(b) sets a firm condition: detailed figures must agree with the general figures within an accounting period. At the end of October 2026 Minh Thư runs the check below on three accounts.

Tài khoản <i>Account</i>	Sổ tổng hợp (sổ cái) <i>General ledger</i>	Sổ chi tiết cộng lại <i>Subsidiary ledger total</i>	Chênh lệch <i>Difference</i>
131 Phải thu của khách hàng <i>131 Trade receivables</i>	1.536.600.000	Thành Đô 1.236.600.000 + Gia An 300.000.000 <i>Thành Đô 1,236,600,000 + Gia An 300,000,000</i>	0
331 Phải trả cho người bán <i>331 Trade payables</i>	957.240.000	Sơn Tân Phong 957.240.000 <i>Sơn Tân Phong 957,240,000</i>	0
156 Hàng hóa <i>156 Goods for resale</i>	1.233.400.000	SN18 577.000.000 + SNT18 168.000.000 + BB40 383.400.000 + KG25 105.000.000 <i>SN18 577,000,000 + SNT18 168,000,000 + BB40 383,400,000 + KG25 105,000,000</i>	0

GHI NHỚ / KEY POINT — Sổ chi tiết minh họa cho sổ tổng hợp (Điều 9 khoản 2 điểm b). Cuối tháng đối chiếu TK 131, 331 và 156 giữa sổ cái và sổ chi tiết. Chênh lệch khác 0 là một nghiệp vụ chưa tìm ra, không phải sai số làm tròn.

The subsidiary ledger illustrates the general ledger (Article 9, clause 2(b)). At month-end, match accounts 131, 331 and 156 between the general ledger and the subsidiary records. A difference other than zero is a transaction not yet found, not a rounding error.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Thẻ kho SN18 ghi tồn 500 thùng; sổ chi tiết tính tồn $500 \times 1.154.000 = 577.000.000$ đồng, đúng bằng dòng SN18 ở bảng trên. Nếu thủ kho xuất thêm 10 thùng mà chưa có phiếu xuất, thẻ kho chỉ còn 490 thùng trong khi sổ vẫn ghi 500: chênh 10 thùng $\times 1.154.000 = 11.540.000$ đồng. Hiện vật và tiền đi cùng nhau, lệch bên nào cũng phải truy ngược phiếu xuất.

The SN18 stock card shows 500 drums on hand; the subsidiary ledger values them at $500 \times 1,154,000$

= 577,000,000 dong, exactly the SN18 line in the table above. If the storekeeper issues another 10 drums before a delivery note exists, the stock card shows 490 while the books still show 500: a difference of $10 \times 1,154,000 = 11,540,000$ dong. Quantity and money move together; whichever side is off, trace back to the delivery note.

1.3. Nơi người làm kế toán làm việc — *Where accountants work*

Luật Kế toán Điều 23 khoản 1 buộc đơn vị chọn hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ Tài chính. Với doanh nghiệp, ba chế độ đang song song: Thông tư 99/2025/TT-BTC (áp dụng từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026, thay Thông tư 200/2014), Thông tư 133/2016/TT-BTC (doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn được chọn) và Thông tư 58/2026/TT-BTC (doanh nghiệp siêu nhỏ, hiệu lực 01/7/2026). Hoàng Lâm áp dụng Thông tư 99. Bảng sau so sánh bốn loại doanh nghiệp.

Article 23, clause 1 of the Accounting Law requires a unit to choose its chart of accounts from those set by the Ministry of Finance. For businesses three regimes now run side by side: Circular 99/2025/TT-BTC (applies from financial years starting on or after 1 January 2026, replacing Circular 200/2014), Circular 133/2016/TT-BTC (small and medium-sized enterprises may still choose it) and Circular 58/2026/TT-BTC (micro enterprises, effective 1 July 2026). Hoàng Lâm applies Circular 99. The table compares four kinds of business.

Loại doanh nghiệp <i>Type of business</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Điểm khó với người mới <i>Hard part for a newcomer</i>
Thương mại (như Hoàng Lâm) <i>Trading (like Hoàng Lâm)</i>	Mua hàng, nhập kho, bán hàng, thu tiền; nhiều mã hàng, giá vốn tính cuối tháng; công nợ với khách và nhà cung cấp <i>Buying, receiving, selling and collecting; many items, cost of sales computed at month-end; balances with customers and suppliers</i>	Giá nhập đủ chi phí vận chuyển; kho khớp sổ; hóa đơn đầu vào hợp lệ <i>Purchase cost that includes carriage; stock that agrees with the books; valid input invoices</i>
Sản xuất <i>Manufacturing</i>	Thêm khâu giá thành: tập hợp TK 621, 622, 627 vào TK 154, rồi nhập kho thành phẩm TK 155 <i>An extra costing stage: accumulate 621, 622 and 627 in 154, then transfer finished goods to 155</i>	Phân bổ chi phí sản xuất chung nhất quán; kiểm kê sản phẩm dở dang <i>Consistent allocation of production overheads; counting work in progress</i>
Xây dựng <i>Construction</i>	Theo dõi chi phí và doanh thu từng công trình; nghiệm thu khối lượng; thanh toán theo đợt <i>Tracking cost and revenue project by project; measuring work done; stage payments</i>	Ghi chi phí đúng công trình; chứng từ của nhiều bên (chủ đầu tư, nhà thầu phụ, kho công trường) <i>Charging cost to the right project; documents from several parties (client, subcontractors, site store)</i>

Loại doanh nghiệp <i>Type of business</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Điểm khó với người mới <i>Hard part for a newcomer</i>
Dịch vụ <i>Services</i>	Doanh thu theo hợp đồng và theo kỳ; chi phí chủ yếu là lương và thuê ngoài <i>Revenue by contract and by period; costs mainly pay and outsourcing</i>	Ghi nhận doanh thu đúng kỳ; phân biệt tiền đặt cọc với doanh thu <i>Recognising revenue in the right period; separating deposits from revenue</i>

Nơi làm việc <i>Workplace</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Căn cứ và điểm cần biết <i>Basis and points to know</i>
Đơn vị hành chính sự nghiệp <i>Public administrative and service units</i>	Kế toán theo dự toán được giao, chứng từ chi ngân sách, quyết toán <i>Accounting against an allocated budget, budget payment documents, final settlement</i>	Kế toán trưởng còn giúp người đại diện giám sát tài chính (Luật Kế toán Điều 53 khoản 2; Điều 55 khoản 3) <i>The chief accountant also helps the legal representative supervise finances (Accounting Law Art. 53, cl. 2; Art. 55, cl. 3)</i>
Ngân hàng, tổ chức tín dụng <i>Banks and credit institutions</i>	Ghi nhận tiền gửi, tín dụng, thanh toán theo nghiệp vụ ngân hàng <i>Recording deposits, lending and payments under banking operations</i>	Áp dụng pháp luật chuyên ngành ngân hàng; hỏi đơn vị tuyển dụng chế độ kế toán đang dùng <i>Sector-specific banking law applies; ask the employer which accounting regime it uses</i>
Công ty dịch vụ kế toán <i>Accounting service firms</i>	Làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng thuê cho nhiều khách hàng theo hợp đồng bằng văn bản <i>Acting as bookkeeper or chief accountant for many clients under written contracts</i>	Luật Kế toán Điều 56 (thuê dịch vụ), Điều 59 (loại hình doanh nghiệp), Điều 60 (điều kiện kinh doanh) <i>Accounting Law Art. 56 (hiring services), Art. 59 (types of firm), Art. 60 (licensing conditions)</i>
Công ty kiểm toán <i>Audit firms</i>	Kiểm tra và đưa ý kiến về báo cáo tài chính của khách hàng <i>Examining and giving an opinion on clients' financial statements</i>	Báo cáo tài chính thuộc diện bắt buộc kiểm toán phải kiểm toán trước khi nộp cơ quan nhà nước và trước khi công khai (Luật Kế toán Điều 33 khoản 1) <i>Statements that must be audited have to be audited before filing with the state and before publication (Accounting Law Art. 33, cl. 1)</i>
Tự hành nghề <i>Practising independently</i>	Mở hộ kinh doanh dịch vụ kế toán, làm cho nhiều khách <i>Setting up a household business providing accounting services</i>	Chủ hộ phải là kế toán viên hành nghề (Điều 65 khoản 1 điểm b); đăng ký hành nghề cần chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên và 36 tháng công tác thực tế kể từ tốt nghiệp đại học

Nơi làm việc <i>Workplace</i>	Việc đặc trưng <i>Characteristic work</i>	Căn cứ và điểm cần biết <i>Basis and points to know</i>
		(Điều 58 khoản 1) <i>The owner must be a practising accountant (Art. 65, cl. 1(b)); registration needs an accountant or auditor certificate and 36 months of practical work since graduation (Art. 58, cl. 1)</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Mở phần mềm ở công ty mới và hạch toán theo thói quen của Thông tư 200/2014 trong khi công ty áp dụng Thông tư 99/2025. Nghị định 41/2018 Điều 7 khoản 1 điểm d phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi áp dụng sai chế độ kế toán mà đơn vị thuộc đối tượng áp dụng; Điều 10 khoản 2 phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi không thực hiện đúng hệ thống tài khoản đã được Bộ Tài chính ban hành. Ngày đầu, hỏi kế toán trưởng công ty chọn chế độ nào rồi mở danh mục tài khoản của chế độ đó.

Opening the software at a new employer and posting by the habits of Circular 200/2014 when the company applies Circular 99/2025. Decree 41/2018 Article 7, clause 1(d) fines VND 10 to 20 million for applying the wrong accounting regime where the unit is subject to one; Article 10, clause 2 fines VND 10 to 20 million for not following the chart of accounts issued by the Ministry of Finance. On day one, ask the chief accountant which regime the company uses and open that regime's chart of accounts.

1.4. Các vị trí trong phòng kế toán — Roles in an accounting department

Tên vị trí khác nhau theo công ty. Công ty lớn có chín người cho chín vị trí; công ty 12 nhân viên như Hoàng Lâm gom chín vị trí vào bốn người. Bảng sau cho biết mỗi vị trí làm gì, giao ra cái gì và sai ở đâu.

Titles differ between companies. A large company has nine people for nine roles; a company of 12 staff such as Hoàng Lâm packs the nine roles into four people. The table shows what each role does, what it delivers and where it goes wrong.

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
Kế toán vốn bằng tiền <i>Cash and bank accountant</i>	Lập phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi; ghi sổ tiền mặt, tiền gửi (TK 111, 112); đối chiếu sổ phụ ngân hàng hằng ngày <i>Prepare receipt and payment vouchers and bank payment orders; post cash and bank (111, 112); match the bank statement daily</i>	Sổ tiền mặt, sổ tiền gửi, bảng đối chiếu ngân hàng <i>Cash book, bank ledger, bank reconciliation</i>	Chi tiền khi phiếu chi thiếu chữ ký; số quỹ trên sổ khác số đếm thực tế <i>Paying out on a voucher missing a signature; book cash differing from the physical count</i>
Kế toán kho <i>Inventory accountant</i>	Ghi nhập, xuất hàng; đối chiếu thẻ kho với thủ kho; tính giá xuất kho (TK 156)	Báo cáo nhập – xuất – tồn, biên bản kiểm kê	Bỏ sót cước vận chuyển khi nhập: nếu quên 5.000.000 đồng cước

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
	<i>Record receipts and issues; match stock cards with the storekeeper; compute the issue cost (156)</i>	<i>Stock movement report, stocktake record</i>	BB40 thì giá vốn 1.200 bao bán lẻ thấp đi 2.000.000 đồng <i>Leaving carriage out of the purchase cost: forgetting the 5,000,000 dong carriage on BB40 understates the cost of the 1,200 bags sold by 2,000,000 dong</i>
Kế toán công nợ <i>Receivables and payables accountant</i>	Mở sổ chi tiết TK 131, 331 theo từng đối tượng; lập biên bản đối chiếu; theo dõi tuổi nợ <i>Keep 131 and 331 ledgers per counterparty; prepare balance confirmations; track debt ageing</i>	Bảng tuổi nợ, biên bản đối chiếu công nợ <i>Debt ageing schedule, balance confirmation</i>	Không đối chiếu định kỳ; bù trừ công nợ mà không có biên bản <i>No periodic confirmation; offsetting balances without a signed record</i>
Kế toán tiền lương <i>Payroll accountant</i>	Lập bảng lương từ bảng chấm công; trích bảo hiểm, kinh phí công đoàn; khấu trừ thuế TNCN (TK 334, 338, 3335) <i>Prepare payroll from timesheets; accrue insurance and union fees; withhold personal income tax (334, 338, 3335)</i>	Bảng lương, bảng thanh toán, hồ sơ nộp bảo hiểm và thuế <i>Payroll, payment sheet, insurance and tax filings</i>	Quên giảm trừ người phụ thuộc (6.200.000 đồng mỗi người mỗi tháng); tính bảo hiểm trên sai mức lương <i>Forgetting the dependant deduction (VND 6,200,000 per person per month); computing insurance on the wrong pay</i>
Kế toán thuế <i>Tax accountant</i>	Kiểm hóa đơn đầu vào, lập bảng kê, tờ khai GTGT, tạm nộp thuế TNDN (TK 133, 3331) <i>Check input invoices, prepare listings, VAT returns and provisional corporate income tax (133, 3331)</i>	Tờ khai thuế, bảng kê hóa đơn, chứng từ nộp thuế <i>Tax returns, invoice listings, tax payment receipts</i>	Áp 8% cho hóa đơn cước viễn thông 2.500.000 đồng, loại này chịu 10%: lệch 50.000 đồng thuế <i>Applying 8% to a telecom invoice of 2,500,000 dong that bears 10%: VAT off by 50,000 dong</i>
Kế toán giá thành <i>Cost accountant</i>	Tập hợp chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất chung; tính giá thành đơn vị (TK 154, 155). Hoàng Lâm là doanh nghiệp thương mại nên không có vị trí này <i>Accumulate material, labour and overhead cost; compute unit cost (154, 155). Hoàng Lâm is a</i>	Bảng tính giá thành, báo cáo chi phí <i>Costing sheets, cost reports</i>	Phân bổ chi phí chung không nhất quán giữa các kỳ; bỏ qua kiểm kê dở dang <i>Allocating overheads inconsistently between periods; skipping the work-in-progress count</i>

Vị trí <i>Role</i>	Nhiệm vụ chính <i>Main duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Common errors</i>
	<i>trading company and has no such role</i>		
Kế toán tổng hợp <i>General accountant</i>	Ghi bút toán điều chỉnh, khóa sổ, kết chuyển về TK 911, lập báo cáo tài chính <i>Post adjusting entries, close the books, transfer to 911, prepare the financial statements</i>	Sổ cái, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính <i>General ledger, trial balance, financial statements</i>	Số trên báo cáo không khớp sổ cái; quên kết chuyển; sổ chi tiết lệch sổ tổng hợp <i>Statements that disagree with the ledger; missing closing entries; subsidiary ledgers off the control account</i>
Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Điều hành bộ máy kế toán, duyệt chứng từ và bút toán, ký báo cáo tài chính, làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán <i>Run the accounting team, approve documents and entries, sign the financial statements, deal with the tax authority, bank and auditors</i>	Báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán, ý kiến chuyên môn gửi giám đốc <i>Financial statements, annual returns, professional opinions to the director</i>	Ký khi chưa soát sổ; giao quyền duyệt cho người chưa đủ hiểu biết <i>Signing before reviewing the figures; delegating approval to someone who cannot yet judge</i>
Giám đốc tài chính <i>Finance director</i>	Lập kế hoạch tài chính và dòng tiền, tìm vốn, làm việc với ngân hàng, đọc báo cáo quản trị <i>Plan finances and cash flow, raise funds, deal with banks, read management reports</i>	Kế hoạch dòng tiền, đề xuất vay hoặc đầu tư, báo cáo quản trị <i>Cash flow plan, borrowing or investment proposals, management reports</i>	Quyết định theo số chưa khóa sổ. Hoàng Lâm không có vị trí này; giám đốc và kế toán trưởng chia phần việc <i>Deciding on unclosed figures. Hoàng Lâm has no such role; the director and chief accountant share the work</i>

Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán (Điều 53 khoản 1) và chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của đơn vị (khoản 3). Điều 55 khoản 1 ghi ba trách nhiệm: thực hiện quy định pháp luật về kế toán, tài chính; tổ chức điều hành bộ máy kế toán; lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ và chuẩn mực. Khoản 2 cho kế toán trưởng quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

The chief accountant heads the accounting team and is responsible for carrying out the accounting work (Article 53, clause 1), under the direction of the unit's legal representative (clause 3). Article 55, clause 1 lists three responsibilities: applying the law on accounting and finance; running the accounting team; and preparing financial statements that comply with the

regime and standards. Clause 2 gives the chief accountant independence in professional accounting matters.

Điều kiện <i>Condition</i>	Quy định <i>Rule</i>	Với Hoàng Lâm <i>At Hoàng Lâm</i>
Phẩm chất <i>Character</i>	Trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật (Điều 51 khoản 1 điểm a, dẫn bởi Điều 54 khoản 1 điểm a) <i>Honest, upright, law-abiding (Art. 51, cl. 1(a), applied by Art. 54, cl. 1(a))</i>	Điều kiện chung với mọi người làm kế toán <i>Common to every accountant</i>
Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Từ trung cấp kế toán trở lên (Điều 54 khoản 1 điểm b). Nghị định 174/2016 Điều 21 khoản 3 điểm g: doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ đồng chỉ cần từ trung cấp; khoản 2 điểm i: các doanh nghiệp còn lại từ đại học <i>At least an intermediate-level accounting qualification (Art. 54, cl. 1(b)). Decree 174/2016 Art. 21, cl. 3(g): a business with no state capital and charter capital below VND 10 billion needs only the intermediate level; cl. 2(i): other businesses need a degree</i>	Vốn góp 3.000.000.000 đồng, nhỏ hơn 10 tỷ: từ trung cấp trở lên <i>Capital of 3,000,000,000 dong, below 10 billion: intermediate level or above</i>
Chứng chỉ <i>Certificate</i>	Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng (Điều 54 khoản 1 điểm c) <i>Holds a chief accountant training certificate (Art. 54, cl. 1(c))</i>	Chương 2 nói cách lấy chứng chỉ <i>Chapter 2 explains how to obtain it</i>
Thời gian công tác <i>Experience</i>	Ít nhất 2 năm kế toán thực tế nếu có trình độ đại học trở lên; ít nhất 3 năm nếu trình độ trung cấp, cao đẳng (Điều 54 khoản 1 điểm d) <i>At least 2 years of practical accounting with a degree; at least 3 years with an intermediate or college qualification (Art. 54, cl. 1(d))</i>	Áp dụng cho người được bổ nhiệm làm kế toán trưởng <i>Applies to the person appointed as chief accountant</i>
Thay thế tạm thời <i>Temporary cover</i>	Chưa bổ nhiệm ngay được kế toán trưởng thì bố trí phụ trách kế toán, tối đa 12 tháng (Nghị định 174/2016 Điều 20 khoản 1). Doanh nghiệp siêu nhỏ không bắt buộc có kế toán trưởng (Điều 20 khoản 2 điểm b; Thông tư 58/2026 Điều 3 khoản 2) <i>If a chief accountant cannot be appointed at once, a person in charge of accounting may be assigned for at most 12 months (Decree 174/2016 Art. 20, cl. 1). Micro enterprises need not have a chief accountant (Art. 20, cl. 2(b); Circular 58/2026 Art. 3, cl. 2)</i>	Hoàng Lâm có kế toán trưởng riêng: Đặng Thị Hồng Nhung <i>Hoàng Lâm has its own chief accountant, Đặng Thị Hồng Nhung</i>

Giám đốc tài chính là chức danh quản lý do công ty tự đặt. Luật Kế toán không quy định tiêu chuẩn riêng cho chức danh này; điều luật duy nhất nhắc tới vị trí tương đương là Điều 52 khoản 3, khi liệt kê “phó giám đốc, phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán” trong nhóm người có quan hệ thân thuộc bị hạn chế làm kế toán cùng đơn vị.

Finance director is a management title set by the company itself. The Accounting Law lays down no separate standard for it; the only provision that mentions a comparable post is Article 52, clause 3, which lists “deputy directors and deputy general directors in charge of finance and accounting” among the people whose close relatives may not work as accountants in the same unit.

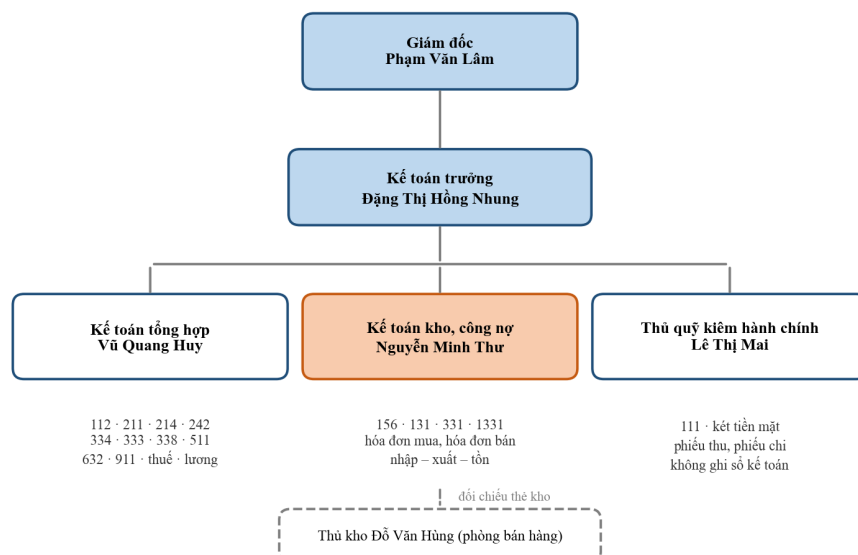
GHI NHỚ / KEY POINT — Người mới thường bắt đầu ở kế toán kho, công nợ hoặc vốn bằng tiền vì chứng từ nhiều, quy trình rõ và có người kiểm tra chéo. Kế toán tổng hợp, thuế và kế toán trưởng đòi hỏi đã làm xong các phần việc bên dưới.

Newcomers usually start in inventory, receivables or cash because the documents are plentiful, the procedures are clear and someone checks the work. General accounting, tax and chief accountant roles assume you have already done the jobs beneath them.

1.5. Bộ máy kế toán của Hoàng Lâm — The accounting team at Hoàng Lâm

Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm (gọi tắt Hoàng Lâm) đặt tại phường Hoàng Mai, Hà Nội, phân phối sơn nước, bột bả và keo dán gạch cho nhà thầu và cửa hàng vật liệu. Công ty có 12 người, áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC, ghi sổ Nhật ký chung trên phần mềm. Phòng kế toán có bốn người; Nguyễn Minh Thư vào làm kế toán kho, công nợ từ 01/10/2026.

Công ty TNHH Vật liệu Hoàn thiện Hoàng Lâm (Hoàng Lâm Finishing Materials Company Limited, “Hoàng Lâm” for short) is based in Hoàng Mai ward, Hanoi, and distributes interior and exterior paint, wall putty and tile adhesive to contractors and building-materials shops. It has 12 employees, applies Circular 99/2025/TT-BTC and keeps a general journal in accounting software. The accounting team has four people; Nguyễn Minh Thư joined as inventory and receivables accountant on 1 October 2026.



Hình 1.1. Bộ máy kế toán Hoàng Lâm và tài khoản chủ yếu của từng người

Figure 1.1. The Hoàng Lâm accounting team and the main accounts each person handles

Người, chức danh <i>Person, title</i>	Phản việc <i>Responsibilities</i>	Kiểm tra chéo <i>Cross-check</i>
Phạm Văn Lâm, giám đốc <i>Phạm Văn Lâm, director</i>	Duyệt chi, ký hợp đồng, ký báo cáo tài chính cùng kế toán trưởng <i>Approves payments, signs contracts and signs the financial statements with the chief accountant</i>	Nhận báo cáo tháng từ kế toán trưởng <i>Receives the monthly report from the chief accountant</i>
Đặng Thị Hồng Nhung, kế toán trưởng <i>Đặng Thị Hồng Nhung, chief accountant</i>	Duyệt chứng từ và bút toán, khóa sổ, lập và ký báo cáo tài chính, làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán <i>Approves documents and entries, closes the books, prepares and signs the statements, deals with the tax authority, bank and auditors</i>	Giám đốc duyệt báo cáo trước khi ký <i>The director reviews the statements before signing</i>
Vũ Quang Huy, kế toán tổng hợp <i>Vũ Quang Huy, general accountant</i>	Sổ cái, tiền gửi ngân hàng, tài sản cố định, lương, thuế, giá vốn cuối tháng, kết chuyển TK 911 <i>General ledger, bank, fixed assets, payroll, tax, month-end cost of sales, transfer to 911</i>	Kế toán trưởng soát bút toán điều chỉnh và số khóa sổ <i>The chief accountant reviews adjusting entries and closing figures</i>
Nguyễn Minh Thư, kế toán kho, công nợ <i>Nguyễn Minh Thư, inventory and receivables/payables accountant</i>	Phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn mua và bán, sổ chi tiết TK 156, 131, 331, biên bản đối chiếu công nợ <i>Goods received and issued notes, purchase and sales invoices, ledgers 156, 131, 331, balance confirmations</i>	Huy đối chiếu TK 131, 331, 156 với sổ cái cuối tháng; thủ kho đối chiếu thẻ kho <i>Huy matches 131, 331 and 156 to the general ledger at month-end; the storekeeper matches stock cards</i>
Lê Thị Mai, thủ quỹ kiêm hành chính <i>Lê Thị Mai, cashier and administrator</i>	Giữ két, thu và chi tiền mặt theo phiếu đã duyệt, giữ sổ quỹ; không ghi sổ kế toán TK 111 <i>Holds the safe, receives and pays cash against approved vouchers, keeps the cash book; does not post accounting entries to 111</i>	Kiểm kê quỹ cuối tháng, sổ quỹ ghi 92.000.000 đồng <i>Cash count at month-end; the cash book shows 92,000,000 dong</i>
Đỗ Văn Hùng, thủ kho (phòng bán hàng) <i>Đỗ Văn Hùng, storekeeper (sales department)</i>	Giữ hàng, lập thẻ kho, đếm hàng nhập, xuất <i>Holds the goods, keeps stock cards, counts goods in and out</i>	Kế toán kho đối chiếu thẻ kho với sổ chi tiết <i>The inventory accountant matches stock cards to the ledger</i>

Cách chia này theo một nguyên tắc: người giữ tài sản không ghi sổ tài sản đó. Điều 39 khoản 2 đòi đơn vị thiết lập kiểm soát nội bộ để tài sản được bảo đảm an toàn và nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền. Luật cụ thể hóa bằng Điều 52 khoản 4: người đang làm thủ kho, thủ quỹ không được làm kế toán trong cùng đơn vị, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp

khác do Chính phủ quy định. Vì vậy Mai giữ sổ quỹ nhưng Huy ghi TK 111; Thu ghi hàng nhập, xuất nhưng Hùng giữ hàng.

The split follows one principle: whoever holds an asset does not record it. Article 39, clause 2 requires a unit to set up internal control so that assets are kept safe and transactions are approved by the right authority. Article 52, clause 4 makes this specific: a person working as storekeeper or cashier may not do accounting in the same unit, except in a sole proprietorship, a single-member limited company owned by an individual, and other cases set by the Government. So Mai keeps the cash book but Huy posts account 111; Thu records goods in and out but Hùng holds the goods.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Để thủ quỹ kiêm ghi sổ kế toán tiền mặt vì “đỡ người”. Nghị định 41/2018 Điều 17 khoản 2 điểm b phạt 10 đến 20 triệu đồng với hành vi bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán. Ngoài tiền phạt, người cầm tiền đồng thời sửa sổ thì không còn ai phát hiện chênh lệch. Nếu công ty buộc bạn kiêm, xem ngoại lệ ở Điều 52 khoản 4 trước khi nhận.

Letting the cashier also post the cash ledger to “save a head”. Decree 41/2018 Article 17, clause 2(b) fines VND 10 to 20 million for assigning someone the law bars from accounting work. Beyond the fine, when the person holding the cash also edits the books, nobody is left to spot a shortfall. If the company insists you combine the roles, check the exceptions in Article 52, clause 4 before accepting.

1.6. Một ngày làm việc của Minh Thu — A day in the life of Minh Thu

Thứ Năm 08/10/2026, tuần thứ hai Minh Thu đi làm. Công ty bán lô sơn lớn nhất tháng cho Công ty CP Xây dựng Thành Đô: 500 thùng SN18 giá 1.450.000 đồng và 200 thùng SNT18 giá 2.100.000 đồng, chưa thu tiền. Bảng sau là lịch làm việc của Thu trong ngày đó.

Thursday 8 October 2026, Minh Thu's second week. The company sells its largest paint order of the month to Công ty CP Xây dựng Thành Đô: 500 drums of SN18 at 1,450,000 dong and 200 drums of SNT18 at 2,100,000 dong, not yet paid. The table is Thu's timetable for that day.

Giờ Time	Việc Task	Chứng từ, công cụ Document, tool	Làm việc với Working with
08:15	Nhận đề nghị bán hàng cho Thành Đô: 500 thùng SN18 $\times$ 1.450.000 và 200 thùng SNT18 $\times$ 2.100.000 <i>Receive the sales request for Thành Đô: 500 drums of SN18 $\times$ 1,450,000 and 200 drums of SNT18 $\times$ 2,100,000</i>	Đơn đặt hàng, hợp đồng <i>Purchase order, contract</i>	Trần Đức Toàn, trưởng phòng kinh doanh <i>Trần Đức Toàn, sales manager</i>
08:40	Xem tồn: SN18 còn 1.000 thùng (600 đầu kỳ cộng 400 nhập ngày 02/10), SNT18 còn 300 thùng. Xem dư nợ Thành Đô: 460.000.000 <i>Check stock: 1,000 drums of SN18 (600 opening plus 400 received on 2 October) and 300 of SNT18. Check Thành Đô's balance: 460,000,000</i>	Báo cáo tồn kho, sổ chi tiết TK 131 <i>Stock report, 131 subsidiary ledger</i>	Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>

Giờ <i>Time</i>	Việc <i>Task</i>	Chứng từ, công cụ <i>Document, tool</i>	Làm việc với <i>Working with</i>
09:30	Đối chiếu phiếu xuất kho thủ kho lập với đơn đặt hàng: mã hàng, số lượng, người nhận <i>Match the delivery note raised by the storekeeper to the order: item, quantity, recipient</i>	Phiếu xuất kho <i>Delivery note</i>	Đỗ Văn Hùng, thủ kho <i>Đỗ Văn Hùng, storekeeper</i>
11:00	Lập hóa đơn điện tử: tiền hàng 1.145.000.000, GTGT 8% 91.600.000, cộng 1.236.600.000. Soát tên, mã số thuế, địa chỉ khách theo hợp đồng rồi trình kế toán trưởng <i>Raise the electronic invoice: goods 1,145,000,000, VAT at 8% 91,600,000, total 1,236,600,000. Check the customer's name, tax code and address against the contract, then submit to the chief accountant</i>	Hóa đơn điện tử <i>Electronic invoice</i>	Đặng Thị Hồng Nhung, kế toán trưởng <i>Đặng Thị Hồng Nhung, chief accountant</i>
14:00	Ghi doanh thu và khoản phải thu vào Nhật ký chung (bút toán ngay dưới bảng) <i>Post revenue and the receivable to the general journal (entry directly below the table)</i>	Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>	Không có <i>None</i>
15:30	Cập nhật sổ chi tiết TK 131 của Thành Đô: $460.000.000 + 1.236.600.000 = 1.696.600.000$. Gửi hóa đơn cho kế toán Thành Đô; ghi lại hẹn trả 460.000.000 vào ngày 12/10 <i>Update Thành Đô's 131 subsidiary ledger: 460,000,000 + 1,236,600,000 = 1,696,600,000. Send the invoice to Thành Đô's accountant; note the promise to pay 460,000,000 on 12 October</i>	Sổ chi tiết, thư điện tử <i>Subsidiary ledger, email</i>	Kế toán Thành Đô <i>Thành Đô's accountant</i>
16:30	Kẹp đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn thành một bộ, đánh số theo ngày <i>Clip the order, delivery note and invoice into one set and number it by date</i>	Bộ chứng từ <i>Document set</i>	Không có <i>None</i>
17:00	Báo kế toán trưởng số lượng đã xuất và doanh thu trong ngày. Giá vốn chưa ghi vì công ty tính bình quân gia quyền cuối tháng <i>Report to the chief accountant the quantities issued and the day's revenue. Cost of sales is not posted yet because the company uses a month-end weighted average</i>	Ghi chú công việc <i>Work note</i>	Đặng Thị Hồng Nhung <i>Đặng Thị Hồng Nhung</i>

Định khoản / Journal entries

08/10 Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng **1.236.600.000**
Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1.145.000.000
Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp 91.600.000

Giá vốn của lô này chờ đến 31/10. Khi đó Huy ghi giá vốn $SN18\ 500 \times 1.154.000 = 577.000.000$ đồng và $SNT18\ 200 \times 1.680.000 = 336.000.000$ đồng, cùng với giá vốn các mã hàng bán lẻ, thành 1.288.600.000 đồng cho cả tháng.

The cost of this order waits until 31 October. Huy then posts $SN18\ 500 \times 1,154,000 = 577,000,000$ dong and $SNT18\ 200 \times 1,680,000 = 336,000,000$ dong, together with the cost of the retail items, making 1,288,600,000 dong for the month.

GHI NHỚ / KEY POINT — Ngày bán hàng chỉ ghi doanh thu và phải thu. Phiếu xuất kho trong ngày mang số lượng, chưa mang tiền, vì giá xuất kho bình quân chỉ biết sau khi hết tháng. Đừng tự điền đơn giá tạm vào sổ rồi quên sửa.

On the day of sale you record only revenue and the receivable. The delivery note carries quantity, not money, because the average issue cost is known only after the month closes. Do not enter a provisional price in the books and forget to correct it.

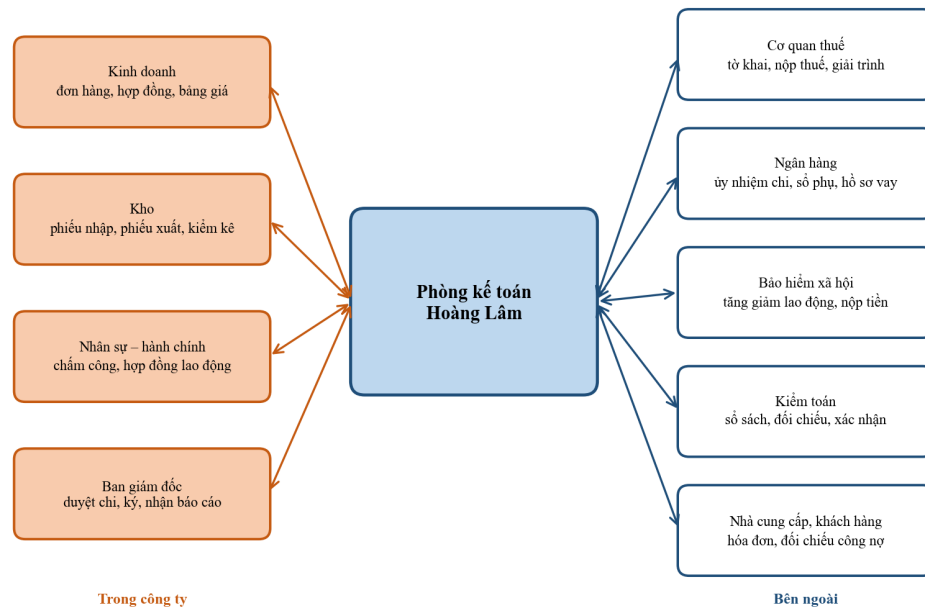
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Lập hóa đơn và ghi doanh thu khi mới nhận đơn đặt hàng, hàng chưa xuất kho. Doanh thu và phải thu phình lên, thuế GTGT đầu ra bị khai sớm, trong khi thẻ kho vẫn còn đủ hàng. Chỉ ghi doanh thu khi phiếu xuất kho đã có và khách đã nhận hàng; hỏi kế toán trưởng mốc lập hóa đơn theo Nghị định 254/2026 trước khi lập hóa đơn đầu tiên.

Raising the invoice and booking revenue when only the purchase order has arrived and the goods have not left the warehouse. Revenue and receivables swell, output VAT is declared early, and the stock card still shows the goods. Book revenue only once a delivery note exists and the customer has received the goods; ask the chief accountant for the invoicing trigger under Decree 254/2026 before you issue your first invoice.

1.7. Quan hệ với phòng ban và bên ngoài — *Working with other departments and outside bodies*

Kế toán là phòng nhận hồ sơ của mọi phòng khác rồi trả lại số liệu. Bảng đầu liệt kê bốn đầu mối trong công ty; bảng sau liệt kê năm bên ngoài, kèm mốc thời gian đã kiểm.

Accounting is the department that receives paperwork from every other department and returns figures. The first table lists four internal contacts; the second lists five outside parties with the deadlines that have been checked.



Hình 1.2. Phòng kế toán Hoàng Lâm và các đầu mối làm việc cùng
Figure 1.2. The Hoàng Lâm accounting department and the parties it works with

Bộ phận <i>Department</i>	Họ đưa cho kế toán <i>They give accounting</i>	Kế toán trả lại <i>Accounting gives back</i>	Chỗ hay vướng <i>Where it sticks</i>
Kinh doanh <i>Sales</i>	Đơn đặt hàng, hợp đồng, bảng giá, đề nghị thu nợ <i>Orders, contracts, price lists, requests to chase payment</i>	Hóa đơn, bảng tuổi nợ, lãi gộp theo mặt hàng <i>Invoices, debt ageing, gross profit by product</i>	Đề nghị lập hóa đơn sớm hoặc muộn so với ngày giao hàng; chiết khấu hứa miệng không có văn bản <i>Requests to invoice before or after delivery; verbal discounts with nothing in writing</i>
Kho <i>Warehouse</i>	Phiếu nhập, phiếu xuất, thẻ kho, kết quả kiểm kê <i>Goods received and delivery notes, stock cards, stocktake results</i>	Báo cáo nhập – xuất – tồn, đơn giá xuất kho <i>Stock movement report, issue cost</i>	Hàng về chưa có hóa đơn; xuất trước, làm phiếu sau <i>Goods arriving before the invoice; issuing first and writing the note afterwards</i>
Hành chính – nhân sự <i>Administration and HR</i>	Bảng chấm công, hợp đồng lao động, thông báo nhân viên mới hoặc nghỉ việc, hóa đơn chi phí văn phòng <i>Timesheets, employment contracts, notices of joiners and leavers, office expense invoices</i>	Bảng lương, phiếu lương, số liệu bảo hiểm <i>Payroll, payslips, insurance figures</i>	Báo muộn người nghỉ việc nên bảo hiểm và thuế tính sai kỳ <i>Late notice of leavers, so insurance and tax fall in the wrong period</i>

Bộ phận <i>Department</i>	Họ đưa cho kế toán <i>They give accounting</i>	Kế toán trả lại <i>Accounting gives back</i>	Chỗ hay vướng <i>Where it sticks</i>
Ban giám đốc <i>Management</i>	Đề nghị chi, hợp đồng vay, chủ trương kinh doanh <i>Payment requests, loan agreements, business decisions</i>	Báo cáo tiền, công nợ, kết quả tháng, báo cáo tài chính <i>Cash, receivables, monthly result, financial statements</i>	Yêu cầu sửa số hoặc ghi theo ý muốn; xem Điều 13 và Điều 51 khoản 2 ở mục 1.8 <i>Requests to alter figures; see Articles 13 and 51(2) in section 1.8</i>

Bên ngoài <i>Outside party</i>	Làm việc về <i>Business with them</i>	Hồ sơ hai bên trao đổi <i>Documents exchanged</i>	Mốc đã kiểm <i>Checked deadline or figure</i>
Cơ quan thuế <i>Tax authority</i>	Khai, nộp thuế; giải trình khi có yêu cầu <i>Filing and paying tax; explaining when asked</i>	Tờ khai GTGT quý, tờ khai quyết toán, bảng kê hóa đơn, chứng từ nộp tiền <i>Quarterly VAT return, annual finalisation return, invoice listings, payment receipts</i>	Hoàng Lâm khai GTGT theo quý: hạn là ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, quý 4/2026 là 31/01/2027. Quyết toán thuế: ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc kỳ quyết toán, năm 2026 là 31/3/2027 (Nghị định 252/2026 Điều 10 khoản 3, khoản 5) <i>Hoàng Lâm files VAT quarterly: due on the last day of the first month of the next quarter, so 31 January 2027 for Q4 2026. Tax finalisation: the last day of the third month after the end of the finalisation period, so 31 March 2027 for 2026 (Decree 252/2026 Art. 10, cl. 3 and 5)</i>
Ngân hàng <i>Bank</i>	Chuyển tiền, vay vốn, cung cấp sổ phụ <i>Payments, borrowing, statements</i>	Ủy nhiệm chi, sổ phụ, hợp đồng tín dụng, báo cáo tài chính gửi ngân hàng <i>Payment orders, statements, credit agreement, financial statements sent to the bank</i>	Khoản vay 700.000.000 đồng, lãi 7,2% một năm, lãi tháng 10 là 4.200.000 đồng. Báo cáo gửi ngân hàng phải cùng số với báo cáo nộp thuế (Điều 13 khoản 10) <i>Loan of 700,000,000 dong at 7.2% a year; October interest is 4,200,000 dong. Statements sent to the bank must carry the same figures as those filed for tax (Art. 13, cl. 10)</i>
Bảo hiểm xã hội <i>Social insurance agency</i>	Đăng ký đóng, báo tăng giảm lao động, nộp tiền hằng tháng <i>Registering</i>	Danh sách lao động, mức lương đóng, chứng từ nộp tiền <i>Employee list, insurable pay, payment receipts</i>	Tháng 10/2026 trích theo lương: doanh nghiệp 49.585.000 đồng (23,5%, gồm kinh phí công đoàn 2%), người lao động 22.155.000 đồng (10,5%)

Bên ngoài <i>Outside party</i>	Làm việc về <i>Business with them</i>	Hồ sơ hai bên trao đổi <i>Documents exchanged</i>	Mốc đã kiểm <i>Checked deadline or figure</i>
	<i>contributions, reporting joiners and leavers, monthly payments</i>		<i>October 2026 payroll charges: employer 49,585,000 dong (23.5%, including 2% union fee), employees 22,155,000 dong (10.5%)</i>
Kiểm toán <i>Auditors</i>	Soát sổ sách, chứng từ; xin xác nhận số dư <i>Reviewing books and documents; requesting balance confirmations</i>	Sổ cái, sổ chi tiết, biên bản kiểm kê, thư xác nhận công nợ <i>General ledger, subsidiary ledgers, stocktake records, balance confirmation letters</i>	Báo cáo tài chính năm nộp trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tức 31/3/2027 cho năm 2026 (Luật Kế toán Điều 29 khoản 3); báo cáo thuộc diện bắt buộc kiểm toán phải kiểm toán trước khi nộp (Điều 33 khoản 1) <i>Annual financial statements are due within 90 days of the end of the annual accounting period, so 31 March 2027 for 2026 (Accounting Law Art. 29, cl. 3); statements that must be audited are audited before filing (Art. 33, cl. 1)</i>
Nhà cung cấp, khách hàng <i>Suppliers and customers</i>	Đối chiếu công nợ, trao đổi hóa đơn <i>Balance confirmations, exchanging invoices</i>	Biên bản đối chiếu công nợ, hóa đơn <i>Balance confirmation records, invoices</i>	Thành Đô trả 460.000.000 đồng ngày 12/10; Hoàng Lâm trả Sơn Tân Phong 620.000.000 đồng ngày 15/10 <i>Thành Đô pays 460,000,000 dong on 12 October; Hoàng Lâm pays Sơn Tân Phong 620,000,000 dong on 15 October</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Mọi con số đưa ra ngoài công ty phải truy được về sổ và chứng từ. Số gửi ngân hàng, số khai thuế và số cho kiểm toán là một bộ số; Điều 13 khoản 10 cấm cung cấp báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ.

Every figure that leaves the company must trace back to the books and documents. The numbers given to the bank, filed for tax and shown to the auditors are one set; Article 13, clause 10 prohibits financial statements with inconsistent figures for the same period.

1.8. Điều cấm, điều kiện và người không được làm kế toán — *Prohibited acts, requirements and who may not work as an accountant*

Điều 13 Luật Kế toán liệt kê 15 hành vi bị nghiêm cấm. Bảng sau chọn tám hành vi người làm kế toán hằng ngày dễ chạm tới.

Article 13 of the Accounting Law lists 15 prohibited acts. The table picks eight that people in daily accounting work come close to.

Kho ản Cl.	Hành vi bị cấm <i>Prohibited act</i>	Gặp ở đâu trong công việc <i>Where it shows up at work</i>
1	Giả mạo, khai man hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác <i>Forging or falsifying, or forcing another to forge or falsify, or erasing accounting documents or other records</i>	Tẩy số tiền trên phiếu chi; làm thêm biên bản đối chiếu cho đủ bộ hồ sơ <i>Erasing the amount on a payment voucher; producing a confirmation after the fact to complete a file</i>
2	Cố ý cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật <i>Knowingly providing or confirming false accounting information</i>	Xác nhận với khách số dư khác sổ; trả lời ngân hàng bằng số chưa khớp sổ chi tiết <i>Confirming to a customer a balance that differs from the books; answering the bank with figures not yet matched to the ledger</i>
3	Đề ngoài sổ kế toán tài sản, nợ phải trả của đơn vị hoặc có liên quan đến đơn vị <i>Leaving the unit's assets or liabilities, or those connected with it, outside the books</i>	Khách chuyển tiền vào tài khoản cá nhân chưa nộp về công ty; hàng nhận ký gửi không ghi sổ <i>A customer pays into a personal account that is not passed to the company; consignment goods not recorded</i>
4	Hủy hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước khi hết thời hạn lưu trữ (Điều 41) <i>Destroying or deliberately damaging accounting records before the retention period ends (Art. 41)</i>	Dọn tủ hồ sơ bỏ chứng từ năm cũ; xóa tệp trên máy chủ khi chưa sao lưu. Thời hạn lưu trữ 5 năm, 10 năm hoặc vĩnh viễn (Nghị định 174/2016 Điều 12 đến 14) <i>Clearing the filing cabinet of old vouchers; deleting files from the server with no backup. Retention is 5 years, 10 years or permanent (Decree 174/2016 Arts. 12 to 14)</i>
7	Người quản lý, điều hành đơn vị kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ, trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu <i>A manager or executive also acting as accountant, storekeeper or cashier, except in a sole proprietorship or a single-member company owned by an individual</i>	Giám đốc tự giữ quỹ hoặc tự ghi sổ <i>The director holding the cash or posting the books personally</i>
8	Bố trí hoặc thuê người làm kế toán, kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn theo Điều 51 và Điều 54 <i>Assigning or hiring an accountant or chief accountant who does not meet Articles 51 and 54</i>	Giao việc kế toán trưởng cho người chưa có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Giving the chief accountant's work to someone without the chief accountant training certificate</i>

Kho ản Cl.	Hành vi bị cấm <i>Prohibited act</i>	Gặp ở đâu trong công việc <i>Where it shows up at work</i>
9	Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán <i>Renting or lending an accountant certificate or a practising registration certificate</i>	Cho công ty khác đứng tên bằng của mình để lấy phí <i>Letting another company use your certificate for a fee</i>
10	Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ <i>Keeping two or more sets of financial books, or issuing financial statements with inconsistent figures for the same period</i>	“Sổ hai bộ”: một bộ cho cơ quan thuế, một bộ cho ngân hàng hoặc chủ sở hữu <i>“Two sets of books”: one for the tax authority, another for the bank or owners</i>

Hậu quả pháp lý của các lỗi này nằm ở Nghị định 41/2018/NĐ-CP, Chương II (phần kế toán còn hiệu lực), sửa bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP. Mức phạt tối đa cho một hành vi là 50.000.000 đồng với cá nhân và 100.000.000 đồng với tổ chức (Điều 6 khoản 1). Các mức trong bảng sau là mức áp dụng cho cá nhân; tổ chức cùng hành vi bị phạt gấp 2 lần (Điều 6 khoản 2, sửa bởi Điều 5 Nghị định 102/2021).

The legal consequences sit in Decree 41/2018/NĐ-CP, Chapter II (the accounting part remains in force), amended by Decree 102/2021/NĐ-CP. The maximum fine for one act is VND 50,000,000 for an individual and VND 100,000,000 for an organisation (Article 6, clause 1). The scales in the next table are those for individuals; an organisation committing the same act is fined twice as much (Article 6, clause 2, as amended by Article 5 of Decree 102/2021).

Hành vi <i>Act</i>	Căn cứ <i>Basis</i>	Mức phạt, cá nhân <i>Fine, individual</i>
Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán <i>Erasing or altering an accounting document</i>	Điều 8 khoản 1 điểm b <i>Art. 8, cl. 1(b)</i>	3.000.000 đến 5.000.000 đồng <i>VND 3,000,000 to 5,000,000</i>
Ký chứng từ kế toán không đúng thẩm quyền <i>Signing an accounting document without authority</i>	Điều 8 khoản 2 điểm c <i>Art. 8, cl. 2(c)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ phát sinh <i>Not raising a document when a transaction occurs</i>	Điều 8 khoản 3 điểm d <i>Art. 8, cl. 3(d)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>
Chi tiền khi chứng từ chưa đủ chữ ký của người có thẩm quyền <i>Paying out before the voucher carries all required signatures</i>	Điều 8 khoản 3 điểm e <i>Art. 8, cl. 3(e)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>

Hành vi <i>Act</i>	Căn cứ <i>Basis</i>	Mức phạt, cá nhân <i>Fine, individual</i>
Hạch toán không đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán <i>Posting contrary to the prescribed content of an account</i>	Điều 10 khoản 1 điểm a <i>Art. 10, cl. 1(a)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Không tổ chức bàn giao công tác kế toán khi thay người làm kế toán <i>Not organising a handover when the accountant changes</i>	Điều 17 khoản 1 điểm c <i>Art. 17, cl. 1(c)</i>	5.000.000 đến 10.000.000 đồng <i>VND 5,000,000 to 10,000,000</i>
Bố trí người mà pháp luật không cho làm kế toán <i>Assigning someone the law bars from accounting</i>	Điều 17 khoản 2 điểm b <i>Art. 17, cl. 2(b)</i>	10.000.000 đến 20.000.000 đồng <i>VND 10,000,000 to 20,000,000</i>
Bố trí người quản lý, điều hành kiêm kế toán, thủ kho, thủ quỹ (trừ ngoại lệ) <i>Assigning a manager to double as accountant, storekeeper or cashier (except where permitted)</i>	Điều 17 khoản 3 điểm a <i>Art. 17, cl. 3(a)</i>	20.000.000 đến 30.000.000 đồng <i>VND 20,000,000 to 30,000,000</i>

Điều 52 liệt kê bốn nhóm người không được làm kế toán. Điều 51 đặt hai tiêu chuẩn cho người được làm: phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

Article 52 lists four groups who may not work as accountants. Article 51 sets two standards for those who may: professional ethics, honesty, integrity and respect for the law; and professional competence in accounting.

Kho ản <i>Cl.</i>	Ai không được làm kế toán (Điều 52) <i>Who may not (Art. 52)</i>	Áp vào Hoàng Lâm <i>Applied at Hoàng Lâm</i>
1	Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc <i>Minors; people the court has declared to have limited or no civil capacity; people serving a compulsory education or compulsory drug treatment measure</i>	Thực tập sinh dưới 18 tuổi không được giao ghi sổ <i>An intern under 18 may not be given bookkeeping</i>
2	Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích <i>People barred from accounting by a court judgment or decision; under criminal prosecution; serving a prison</i>	Công ty phải kiểm tra trước khi giao việc; bố trí người thuộc nhóm này bị phạt theo Điều 17 khoản 2 điểm b Nghị định 41/2018 <i>The company must check before assigning work; assigning such a person is fined under Decree 41/2018 Art. 17, cl. 2(b)</i>

Kho ản Cl.	Ai không được làm kế toán (Điều 52) <i>Who may not (Art. 52)</i>	Áp vào Hoàng Lâm <i>Applied at Hoàng Lâm</i>
	<i>sentence, or convicted of offences against economic management or of office-related offences concerning finance or accounting whose record has not been expunged</i>	
3	Cha mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột của người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu, giám đốc, tổng giám đốc, cấp phó phụ trách tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng đơn vị, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp Chính phủ quy định (Nghị định 174/2016 Điều 19 khoản 2 thêm doanh nghiệp siêu nhỏ không có vốn nhà nước) <i>Parents, spouse, children, siblings of the legal representative, head, director, general director, deputy in charge of finance and accounting, or chief accountant of the same unit, except sole proprietorships, single-member companies owned by an individual and cases set by the Government (Decree 174/2016 Art. 19, cl. 2 adds micro enterprises with no state capital)</i>	Em ruột của giám đốc Phạm Văn Lâm không được làm kế toán ở Hoàng Lâm nếu không thuộc ngoại lệ <i>A sibling of the director Phạm Văn Lâm may not work as an accountant at Hoàng Lâm unless an exception applies</i>
4	Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng đơn vị, trừ các ngoại lệ như khoản 3 <i>A manager or executive, storekeeper, cashier, or person who buys or sells assets in the same unit, with the same exceptions as clause 3</i>	Lê Thị Mai (thủ quỹ), Đỗ Văn Hùng (thủ kho) và giám đốc không ghi sổ kế toán <i>Lê Thị Mai (cashier), Đỗ Văn Hùng (storekeeper) and the director do not post the accounting books</i>

Điều 51 khoản 2 trao cho người làm kế toán quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ; quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi khác ý kiến với người ra quyết định; và quyền báo cáo bằng văn bản khi thấy hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Nếu vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và khi đó không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định. Khoản 3 buộc người làm kế toán cũ bàn giao công việc và tài liệu cho người mới, và vẫn chịu trách nhiệm về thời gian mình làm.

Article 51, clause 2 gives accountants independence in professional matters; the right to put a differing professional opinion on record in writing; and the right to report in writing when they see a breach of finance or accounting law. If the decision must still be carried out, they report to the superior of the person who made it, or to the competent state body, and are then not responsible for the consequences of carrying it out. Clause 3 requires an outgoing accountant to hand over work and records to the successor, and the outgoing accountant stays responsible for the period of their own work.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Làm theo lời dặn miệng “ghi lùi sang tháng trước cho đẹp sổ”. Giả sử trưởng phòng kinh doanh Trần Đức Toàn nhờ lập hóa đơn ngày 08/10 nhưng ghi ngày 30/9 để đủ chỉ tiêu quý 3. Đó là khai man chứng từ (Điều 13 khoản 1), phạt 20 đến 30 triệu đồng theo Điều 8 khoản 3 điểm a Nghị định 41/2018 khi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, và người lập hóa đơn là người ký tên. Từ chối, đề nghị bằng thư điện tử gửi kế toán trưởng nêu rõ Điều 51 khoản 2.

Following a spoken instruction to “backdate it to last month to tidy the figures”. Suppose the sales manager Trần Đức Toàn asks you to raise the 8 October invoice but date it 30 September to meet the Q3 target. That is falsifying a document (Article 13, clause 1), fined VND 20 to 30 million under Article 8, clause 3(a) of Decree 41/2018 where it falls short of criminal liability, and the person who raises the invoice is the person who signs. Refuse, and send the chief accountant an email setting out the request and citing Article 51, clause 2.

1.9. Đạo đức nghề nghiệp — Professional ethics

Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán ban hành kèm Thông tư 70/2015/TT-BTC, hiệu lực từ 01/01/2016. Phần C áp dụng cho người có chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên làm việc trong doanh nghiệp (Điều 2 khoản 3). Người chưa có chứng chỉ chưa thuộc đối tượng áp dụng trực tiếp, nhưng năm nguyên tắc cơ bản ở đoạn 100.5 là thước đo của nghề và là điều bạn sẽ phải tuân thủ khi có chứng chỉ.

The Code of Professional Ethics for Accountants and Auditors issued with Circular 70/2015/TT-BTC took effect on 1 January 2016. Part C applies to holders of an accountant’s practising certificate or an auditor’s certificate who work in businesses (Article 2, clause 3). Someone without a certificate is not directly bound, but the five fundamental principles in paragraph 100.5 are the benchmark of the trade and what you will have to follow once certified.

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung theo chuẩn mực <i>What the code says</i>	Tình huống ở Hoàng Lâm <i>A situation at Hoàng Lâm</i>
Tính chính trực <i>Integrity</i>	Thẳng thắn, trung thực trong mọi quan hệ chuyên môn và kinh doanh; không để bị gắn tên với báo cáo, tờ khai có sai sót trọng yếu hoặc gây hiểu nhầm (đoạn 110.2) <i>Straightforward and honest in all professional and business dealings; not to be associated with reports or returns containing material errors or misleading information (para. 110.2)</i>	Kế toán trưởng không ký báo cáo tài chính khi TK 131 chưa khớp sổ chi tiết; Thư không ký phiếu nhập khi chưa có sổ thủ kho đếm <i>The chief accountant does not sign the statements while 131 disagrees with the subsidiary ledger; Thư does not sign a goods received note before the storekeeper’s count</i>
Tính khách quan <i>Objectivity</i>	Không để thiên vị, xung đột lợi ích hay ảnh hưởng không hợp lý chi phối xét đoán chuyên môn <i>Not letting bias, conflicts of interest or undue influence override professional judgement</i>	Nhà cung cấp biếu riêng quà cho kế toán kho và đề nghị nhập thêm hàng: báo kế toán trưởng, không nhận <i>A supplier offers the inventory accountant a private gift and asks for bigger orders: tell the chief accountant and decline</i>

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung theo chuẩn mực <i>What the code says</i>	Tình huống ở Hoàng Lâm <i>A situation at Hoàng Lâm</i>
Năng lực chuyên môn và tính thận trọng <i>Professional competence and due care</i>	Duy trì kiến thức, kỹ năng ở mức cần thiết; hành động thận trọng theo chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật <i>Maintaining the knowledge and skill needed; acting with due care under applicable standards</i>	Thông tư 99/2025 áp dụng từ năm 2026: tự học danh mục tài khoản mới thay vì hạch toán theo thói quen cũ <i>Circular 99/2025 applies from 2026: study the new chart of accounts rather than post from old habit</i>
Tính bảo mật <i>Confidentiality</i>	Không tiết lộ thông tin có được từ quan hệ chuyên môn cho bên thứ ba khi chưa được phép, trừ khi có quyền hoặc nghĩa vụ theo pháp luật; không dùng thông tin vì lợi ích cá nhân (đoạn 100.5 điểm d) <i>Not disclosing information gained in professional work to third parties without authority, unless legally entitled or obliged; not using it for personal gain (para. 100.5(d))</i>	Bảng lương 12 người, giá bán cho Thành Đô, sổ dư công nợ: không gửi cho người ngoài, không đưa vào công cụ AI công cộng <i>The 12-person payroll, the price charged to Thành Đô, receivable balances: not sent outside, not pasted into public AI tools</i>
Tư cách nghề nghiệp <i>Professional behaviour</i>	Tuân thủ pháp luật; tránh hành vi làm giảm uy tín nghề nghiệp (đoạn 150.1) <i>Complying with law; avoiding conduct that discredits the profession (para. 150.1)</i>	Không nhận “làm đẹp số” cho bạn bè để vay ngân hàng <i>Not agreeing to “tidy the figures” for a friend’s bank loan</i>

Khi bị yêu cầu làm điều trái nguyên tắc, làm theo bốn bước. Bước 2 đến bước 4 nằm trong quyền của bạn theo Điều 51 khoản 2; bước 4 là lối thoát luật cho phép khi quyết định vẫn được ban hành.

When asked to do something against these principles, work through four steps. Steps 2 to 4 are within your rights under Article 51, clause 2; step 4 is the way out the law allows when the decision is still issued.

- Hỏi lại bằng thư điện tử: yêu cầu cụ thể là gì, chứng từ nào làm căn cứ, ai duyệt.
Ask again by email: what exactly is requested, which document supports it, who approved it.
- Nêu ý kiến chuyên môn khác bằng văn bản, trích đúng Điều, khoản (bảo lưu ý kiến, Điều 51 khoản 2).
State your differing professional opinion in writing, citing the exact Article and clause (preserving your opinion, Article 51, clause 2).
- Báo cáo bằng văn bản cho kế toán trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị.
Report in writing to the chief accountant or the unit’s legal representative.
- Nếu vẫn phải chấp hành, báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi đó bạn không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định.
If you must still comply, report to the direct superior of the decision-maker or to the

competent state body; you are then not responsible for the consequences of carrying out the decision.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Chụp bảng lương gửi nhóm bạn bè để hỏi cách tính thuế TNCN. Bảng lương chứa họ tên, mức lương và số người phụ thuộc của 12 người; đó là thông tin có được từ công việc, thuộc phạm vi bảo mật. Muốn hỏi, che tên và đổi số hoặc tự dựng một bảng ví dụ.

Photographing the payroll and posting it to a friends' group to ask how personal income tax works. The payroll holds names, pay and dependants of 12 people; it is information gained through the job and falls under confidentiality. If you want to ask, cover the names and change the figures, or build your own example.

1.10. Phần mềm và AI: máy làm gì, người làm gì — *Software and AI: what machines do and what people do*

Hoàng Lâm ghi Nhật ký chung trên phần mềm. Phần mềm cộng sổ và lập báo cáo từ bút toán đã nhập; nó không biết bút toán đó đúng hay sai. Bảng sau tách từng việc thành phần máy làm và phần người phải làm.

Hoàng Lâm keeps its general journal in software. The software totals the ledgers and builds reports from the entries keyed in; it does not know whether an entry is right. The table splits each task into what the machine does and what a person must do.

Việc <i>Task</i>	Phần mềm hoặc AI làm <i>Software or AI does</i>	Người làm và chịu trách nhiệm <i>The person does and answers for</i>
Cộng sổ, lập sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh <i>Totalling, ledgers, trial balance</i>	Tự cộng, tự chuyển từ Nhật ký chung sang sổ cái <i>Totals and carries from the journal to the ledger automatically</i>	Chọn đúng tài khoản và định khoản đúng bản chất; soát bút toán trước khi duyệt <i>Choosing the account and the right substance of the entry; reviewing before approval</i>
Nhập hóa đơn đầu vào <i>Entering input invoices</i>	Đọc tệp hóa đơn điện tử, điền sẵn người bán, mã số thuế, số tiền, thuế suất <i>Reads the e-invoice file and pre-fills seller, tax code, amount and rate</i>	Kiểm hóa đơn hợp lệ và thuế suất đúng: cước viễn thông 2.500.000 đồng chịu 10%, thuế 250.000 đồng <i>Checking validity and the correct rate: the 2,500,000 dong telecom charge bears 10%, tax 250,000 dong</i>
Đối chiếu sổ phụ ngân hàng <i>Bank reconciliation</i>	Ghép dòng sổ phụ với dòng sổ tiền gửi theo số tiền, ngày <i>Matches statement lines to ledger lines by amount and date</i>	Xử lý dòng chưa khớp: tiền vào không rõ nội dung, phí ngân hàng, chuyển nhầm <i>Resolving unmatched lines: receipts with no reference, bank charges, misdirected payments</i>

Việc <i>Task</i>	Phần mềm hoặc AI làm <i>Software or AI does</i>	Người làm và chịu trách nhiệm <i>The person does and answers for</i>
Tính lương, bảo hiểm, thuế TNCN <i>Payroll, insurance, personal income tax</i>	Tính theo công thức và biểu thuế đã cài <i>Calculates by the formula and tax table set up</i>	Cập nhật khi văn bản đổi; nhập đúng số người phụ thuộc đã đăng ký (ví dụ ngay dưới bảng) <i>Updating when the rules change; keying the registered number of dependants (see the example below)</i>
Tính giá xuất kho bình quân <i>Average issue cost</i>	Chia tổng giá trị cho tổng số lượng khi khóa sổ <i>Divides total value by total quantity at closing</i>	Bảo đảm đã nhập đủ chi phí vận chuyển (5.000.000 đồng của BB40) trước khi chạy <i>Making sure all carriage (5,000,000 dong on BB40) is entered before running it</i>
Soạn thư nhắc nợ, tóm tắt hợp đồng, giải thích văn bản (AI) <i>Drafting reminders, summarising contracts, explaining rules (AI)</i>	Viết bản nháp, rút gọn văn bản dài <i>Writes a draft, shortens a long text</i>	Kiểm lại số tiền, tên, ngày; đọc điều luật từ văn bản gốc vì AI có thể trích sai số hiệu hoặc mức phạt; không đưa mã số thuế, lương, số tài khoản vào công cụ ngoài khi công ty chưa cho phép <i>Re-checking amounts, names and dates; reading the law from the original text since AI can misquote numbers or fines; not entering tax codes, pay or account numbers into outside tools without company approval</i>
Kiểm kê hàng và quỹ <i>Counting stock and cash</i>	Báo số tồn theo sổ <i>Reports the book balance</i>	Đếm thực tế, lập biên bản, xác định nguyên nhân chênh lệch và phản ánh vào sổ trước khi lập báo cáo tài chính (Điều 40 khoản 3) <i>Physically counting, preparing the record, finding the cause of differences and posting them before the financial statements are prepared (Art. 40, cl. 3)</i>
Ký báo cáo tài chính, tờ khai <i>Signing statements and returns</i>	Không ký được; chỉ in hoặc xuất tệp <i>Cannot sign; only prints or exports</i>	Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật; người ký chịu trách nhiệm về nội dung (Điều 29 khoản 2 điểm d) <i>The statements must carry the signatures of the preparer, the chief accountant and the legal representative; each signatory answers for the content (Art. 29, cl. 2(d))</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Giám đốc Phạm Văn Lâm lương 45.000.000 đồng, bảo hiểm người lao động 4.725.000 đồng, đã đăng ký 2 người phụ thuộc: thuế TNCN 737.500 đồng. Nếu Thư nhập nhầm 1 người phụ thuộc, phần mềm vẫn tính tron tru và ra 1.357.500 đồng, khấu trừ dư 620.000 đồng mỗi tháng, tức 7.440.000 đồng một năm. Phần mềm không có cách biết số nhập sai; người đối chiếu với hồ sơ người phụ thuộc mới biết.

Director Phạm Văn Lâm earns 45,000,000 dong, employee insurance is 4,725,000 dong, and 2 dependants are registered: personal income tax is 737,500 dong. If Thư keys 1 dependant by mistake, the software calculates smoothly and returns 1,357,500 dong, an over-deduction of 620,000 dong a month, or 7,440,000 dong a year. The software cannot know the input is wrong; only a person comparing it with the dependants' records will.

Điều 17 khoản 2 yêu cầu chứng từ điện tử bảo đảm tính bảo mật và bảo toàn dữ liệu, được quản lý chống khai thác, xâm nhập, sao chép, đánh cắp hoặc sử dụng không đúng quy định. Trong công việc: mỗi người một tài khoản phần mềm với quyền riêng, người lập không tự duyệt, và có bản sao lưu dữ liệu theo lịch.

Article 17, clause 2 requires electronic documents to keep their confidentiality and integrity and to be controlled against misuse, intrusion, copying, theft or improper use. In practice: one software account per person with its own rights, the preparer does not approve their own entry, and data is backed up on a schedule.

GHI NHỚ / KEY POINT — Máy làm phần cộng, ghép và soạn thảo; bạn làm phần quyết định bản chất nghiệp vụ, đối chiếu với thực tế, ký tên và chịu trách nhiệm. Khi báo cáo sai, cơ quan thuế và kiểm toán tìm người ký, không tìm phần mềm.

The machine adds, matches and drafts; you decide the substance of the transaction, compare it with reality, sign and answer for it. When a statement is wrong, the tax authority and the auditors look for the signatory, not the software.

1.11. Việc cần làm ngay — Action checklist

- Chép Điều 3 khoản 8 và Điều 4 vào sổ tay, rồi viết năm việc bạn sẽ làm tuần này tương ứng với năm động từ: thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích, cung cấp.
Copy Article 3, clause 8 and Article 4 into your notebook, then write five jobs you will do this week, one for each verb: collect, process, check, analyse, provide.
- Lập bảng chín vị trí của phòng kế toán ở công ty bạn làm hoặc muốn vào; đánh dấu vị trí của bạn và người kiểm tra chéo bạn.
Draw up the nine roles of the accounting department at the company where you work or want to work; mark your role and who cross-checks you.
- Xin kế toán trưởng sơ đồ phân công bằng văn bản; hỏi ai giữ quỹ, ai giữ kho, ai ghi sổ hai việc đó.
Ask the chief accountant for the allocation of duties in writing; ask who holds the cash, who holds the stock and who posts the books for both.
- Tự kiểm tra bốn khoản Điều 52 với chính bạn và với người bạn làm việc cạnh: có ai là thủ kho, thủ quỹ hay người thân của người đứng đầu đơn vị không.
Test the four clauses of Article 52 against yourself and the people beside you: is anyone a storekeeper, cashier or close relative of the head of the unit.
- Mở Luật Kế toán (Văn bản hợp nhất 41/VBHN-VPQH), đánh dấu Điều 13 và Điều 51 đến 55; viết ra năm hành vi mà công việc của bạn dễ chạm tới nhất.
Open the Accounting Law (consolidated text 41/VBHN-VPQH), mark Article 13 and Articles 51 to 55, and write down the five prohibited acts your own work comes closest to.
- Cuối tháng này, đối chiếu một tài khoản có sổ chi tiết (TK 131 hoặc 331) giữa sổ cái và sổ chi tiết; chênh lệch phải bằng 0.
At the end of this month, reconcile one account that has a subsidiary ledger (131 or 331) between the general ledger and the subsidiary ledger; the difference must be zero.
- Liệt kê phần mềm công ty đang dùng, ai có quyền lập, ai có quyền duyệt từng chức năng, và sao lưu dữ liệu chạy lúc nào.

List the software the company uses, who may prepare and who may approve in each function, and when the data backup runs.

- Đọc chương 110 đến 150 của Chuẩn mực đạo đức (Thông tư 70/2015/TT-BTC) và viết một tình huống thật bạn đã gặp ứng với một nguyên tắc.

Read chapters 110 to 150 of the Code of Ethics (Circular 70/2015/TT-BTC) and write up one real situation you have met that matches one principle.

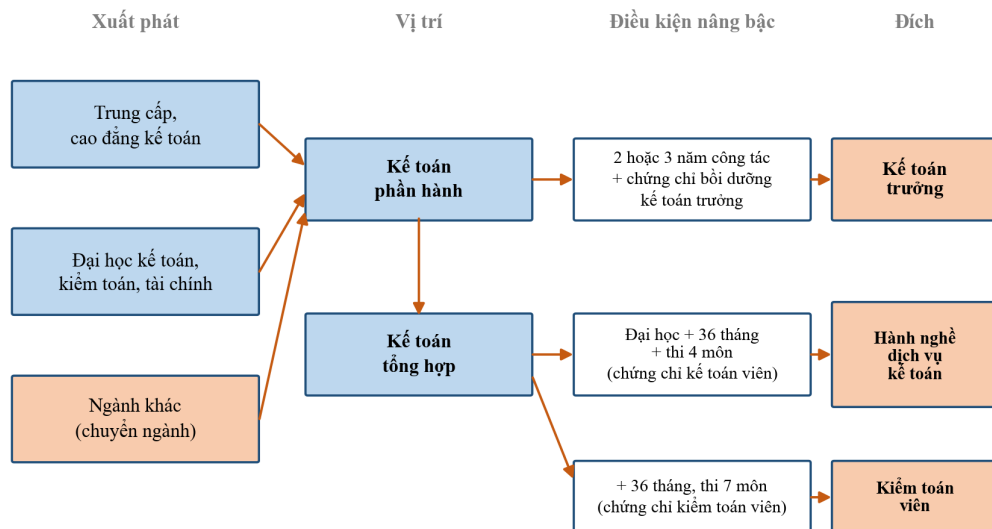
- Lập danh sách bên ngoài bạn sẽ làm việc cùng (cơ quan thuế, ngân hàng, bảo hiểm xã hội, kiểm toán) và ghi hồ sơ trao đổi cùng mốc thời gian của từng bên.

List the outside bodies you will work with (tax authority, bank, social insurance, auditors) and note the documents exchanged and the deadlines of each.

Chương 2. Con đường vào nghề kế toán — Chapter 2. Getting into accounting

Sau chương này bạn làm được — What you will be able to do

- Đếm số tiết trong bảng điểm để biết mình có đủ điều kiện về bằng dự thi chứng chỉ kế toán viên hay chưa.
Count the hours on your transcript to see whether you meet the degree condition for the accountant examination.
- Tính ngày đủ 36 tháng công tác thực tế và ngày hết hạn của chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.
Work out the date you reach 36 months of practical work and the expiry date of a chief accountant training certificate.
- Tra Điều 21 Nghị định 174/2016/NĐ-CP để xác định kế toán trưởng của một công ty cần trình độ nào.
Look up Article 21 of Decree 174/2016/ND-CP to find the qualification a company's chief accountant needs.
- Chọn chứng chỉ trong nước hoặc quốc tế theo mục tiêu nghề và thời điểm hợp lý.
Choose a domestic or international qualification to fit a career goal and a sensible moment.
- Lập kế hoạch tự học 24 tuần với sản phẩm tự kiểm mỗi tuần.
Set up a 24-week self-study plan with a self-check product each week.



Hình 2.1. Con đường từ bằng cấp đến vị trí, điều kiện nâng bậc và đích nghề nghiệp
Figure 2.1. From qualification to post, conditions for moving up, and career destination

2.1. Bằng cấp, ngành học và vị trí đầu tiên — Qualifications, fields of study and your first post

Luật Kế toán, Điều 51 khoản 1, đặt hai tiêu chuẩn cho người làm kế toán: phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán. Luật không ghi tên bằng

cấp cho kế toán viên phân hành. Mức bằng được quy định riêng cho kế toán trưởng (Điều 54, Nghị định 174/2016/NĐ-CP Điều 21) và cho người thi chứng chỉ (Thông tư 91/2017/TT-BTC Điều 4). Với vị trí còn lại, yêu cầu về bằng nằm trong tin tuyển dụng của từng công ty.

Article 51(1) of the Law on Accounting sets two standards for anyone who keeps accounts: professional ethics and professional competence in accounting. The Law names no degree for an ordinary accounting clerk. A level of qualification is fixed only for the chief accountant (Article 54; Decree 174/2016/ND-CP, Article 21) and for candidates sitting a professional examination (Circular 91/2017/TT-BTC, Article 4). For every other post the requirement is whatever the employer writes in its job advertisement.

Trình độ <i>Qualification</i>	Vị trí đầu tiên thường gặp <i>Usual first post</i>	Giới hạn theo văn bản <i>Limits set by regulation</i>	Bước nâng cấp <i>Next step</i>
Trung cấp kế toán <i>Intermediate-level diploma in accounting</i>	Kế toán kho, công nợ, thanh toán ở công ty nhỏ và vừa; kế toán thuế cho hộ kinh doanh <i>Stock, receivables or payments accountant in a small or medium company; tax clerk for a household business</i>	Làm kế toán trưởng của doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng (NĐ 174 Điều 21 khoản 3 điểm g); không đủ bằng để dự thi chứng chỉ kế toán viên (TT 91 Điều 4 khoản 2) <i>May serve as chief accountant of a company with no state capital and charter capital below VND 10 billion (Decree 174, Article 21(3)(g)); the diploma is not enough to sit the accountant examination (Circular 91, Article 4(2))</i>	Học liên thông lên đại học; sau 3 năm công tác học chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Top up to a degree; after 3 years of work take the chief accountant course</i>
Cao đẳng kế toán <i>College diploma in accounting</i>	Kế toán tổng hợp ở công ty nhỏ; kế toán phân hành ở công ty vừa <i>General accountant in a small company; ledger accountant in a medium company</i>	Cùng giới hạn như trung cấp về chứng chỉ kế toán viên; thời gian công tác để học bồi dưỡng kế toán trưởng là 3 năm (VBHN 39 Điều 2) <i>Same limit as the intermediate diploma on the accountant examination; 3 years of work are needed before the chief accountant course (consolidated Circular 39, Article 2)</i>	Học liên thông lên đại học để mở đường thi chứng chỉ kế toán viên <i>Top up to a degree to open the way to the accountant examination</i>
Đại học kế toán, kiểm toán, tài chính – ngân hàng <i>University</i>	Kế toán phân hành ở công ty vừa và lớn; trợ lý kiểm toán; kế toán tại công ty dịch vụ kế toán <i>Ledger accountant in a</i>	Đủ bằng dự thi chứng chỉ kế toán viên và kiểm toán viên, cộng thêm 36 tháng công tác thực tế (TT 91 Điều 4 khoản 2, 3) <i>The degree satisfies the</i>	Thi chứng chỉ kế toán viên sau 36 tháng; học chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng sau 2 năm <i>Sit the accountant</i>

Trình độ <i>Qualification</i>	Vị trí đầu tiên thường gặp <i>Usual first post</i>	Giới hạn theo văn bản <i>Limits set by regulation</i>	Bước nâng cấp <i>Next step</i>
<i>degree in accounting, auditing or finance and banking</i>	<i>medium or large company; audit assistant; accountant at an accounting service firm</i>	<i>examination requirement, plus 36 months of practical work (Circular 91, Article 4(2), (3))</i>	<i>examination after 36 months; take the chief accountant course after 2 years</i>
Đại học ngành khác <i>University degree in another field</i>	Vị trí liền kề kế toán rồi chuyển: kho, thu mua, hành chính, hỗ trợ kinh doanh; hoặc kế toán phần hành sau khóa học nghề <i>An adjacent post first (stores, purchasing, administration, sales support), or ledger accountant after a vocational course</i>	Dự thi chứng chỉ khi bảng điểm đạt tối thiểu 7% số tiết học thuộc nhóm môn tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, thuế, hoặc có chứng chỉ quốc tế đủ điều kiện (TT 91 Điều 4 khoản 2, Điều 9) <i>Eligible for the examination if the transcript shows at least 7% of hours in finance, accounting, auditing, financial analysis and tax, or a qualifying international credential (Circular 91, Article 4(2), Article 9)</i>	Xem mục 2.2 <i>See section 2.2</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Thủ kho, thủ quỹ và người quản lý, điều hành đơn vị không được làm kế toán trong chính đơn vị đó (NĐ 174 Điều 19 khoản 3; Luật Kế toán Điều 13 khoản 7), trừ các trường hợp nghị định liệt kê cho doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH một cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp siêu nhỏ không có vốn nhà nước. Nhân viên kho muốn chuyển sang kế toán phải thôi giữ kho, bàn giao thẻ kho và chìa khóa trước ngày nhận việc kế toán.

A storekeeper, a cashier and a person who manages or runs the entity may not keep accounts in that same entity (Decree 174, Article 19(3); Law on Accounting, Article 13(7)), apart from the cases the decree lists for sole proprietorships, single-member limited liability companies owned by an individual and micro-enterprises with no state capital. A storekeeper moving into accounting must give up the stores role and hand over the stock cards and keys before the accounting duties begin.

2.2. Người trái ngành vào nghề bằng đường nào — *Career changers: routes into the profession*

Người học ngành khác có bốn đường, thường đi song song. Đường thứ nhất là học bổ sung kiến thức kế toán có giấy xác nhận (khóa học nghề, văn bằng kế toán thứ hai, liên thông) để đáp ứng yêu cầu "trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán" của Điều 51. Đường thứ hai là vào một vị trí gần kế toán trong cùng công ty rồi xin chuyển. Đường thứ ba là xin việc kế toán phần hành ở công ty nhỏ, nơi chủ doanh nghiệp quyết định tiêu chuẩn tuyển dụng. Đường thứ tư là chứng chỉ của tổ chức nghề nghiệp quốc tế, dùng cho việc dự thi chứng chỉ trong nước khi đáp ứng Điều 9 Thông tư 91/2017/TT-BTC (mục 2.5).

Graduates of other fields have four routes, usually followed in parallel. The first is to add certified accounting knowledge (a vocational course, a second degree, a top-up programme) so as to meet the "professional competence in accounting" requirement of Article 51. The second is to take a post close to accounting inside one company and ask to transfer. The third is to apply for a ledger post at a small company, where the owner sets the hiring standard. The fourth is a credential from an international professional body, used towards the domestic examination where it meets Article 9 of Circular 91/2017/TT-BTC (section 2.5).

Xuất phát <i>Background</i>	Đường gợi ý <i>Suggested route</i>	Việc làm trong 90 ngày <i>First 90 days</i>	Vướng mắc hay gặp <i>Common obstacle</i>
Kinh tế, quản trị, thương mại <i>Economics, management, commerce</i>	Khóa kế toán thực hành 3 đến 6 tháng, xin vị trí kế toán kho, công nợ <i>A 3 to 6 month hands-on accounting course, then a stock or receivables post</i>	Học hệ thống tài khoản TT 99, định khoản 50 nghiệp vụ, làm sổ chi tiết công nợ <i>Learn the Circular 99 chart of accounts, journalise 50 transactions, keep a receivables subsidiary ledger</i>	Bảng điểm có sẵn môn kế toán nhưng thiếu môn thuế <i>Transcript has accounting subjects but no tax subject</i>
Kỹ thuật, xây dựng <i>Engineering, construction</i>	Kế toán công trình, kế toán giá thành ở nhà thầu, nơi hiểu hồ sơ khối lượng là lợi thế <i>Site or job-cost accountant at a contractor, where reading quantity records is an advantage</i>	Đối chiếu khối lượng nghiệm thu với hóa đơn đầu ra; dựng bảng tập hợp chi phí theo công trình <i>Match certified quantities to sales invoices; build a cost schedule by project</i>	Chi phí dở dang, tạm ứng, bảo hành ghi sai kỳ <i>Work in progress, advances and retentions posted to the wrong period</i>
Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>	Hỗ trợ triển khai phần mềm kế toán, sau đó chuyển sang kế toán viên <i>Accounting software implementation support, then a move into accounting</i>	Nhập danh mục khách hàng, vật tư, tài khoản; kiểm số dư đầu kỳ sau khi chuyển dữ liệu <i>Load customer, item and account lists; check opening balances after data migration</i>	Biết phần mềm nhưng không đọc được chứng từ gốc <i>Knows the software but cannot read source documents</i>
Luật, ngoại ngữ <i>Law, languages</i>	Kế toán tại công ty có vốn nước ngoài hoặc xuất nhập khẩu; kèm chứng chỉ kế toán cơ bản <i>Accountant at a foreign-invested or trading company, with a basic accounting certificate</i>	Lập bảng tra cứu văn bản thuế, hóa đơn; dịch chứng từ nước ngoài kèm đối chiếu số tiền <i>Build a reference table of tax and invoice rules; translate foreign documents and check amounts</i>	Hiểu văn bản nhưng chưa có phản xạ định khoản <i>Understands the rules but has no reflex for journal entries</i>
Đang làm kho, thu mua, hành chính	Xin chuyển sang kế toán trong chính công ty, có biên bản bàn giao công	Học song song với việc cũ; nhận trước các việc ít rủi ro như lập phiếu, đối chiếu	Vướng ND 174 Điều 19 khoản 3 nếu còn giữ kho hoặc giữ quỹ

Xuất phát <i>Background</i>	Đường gợi ý <i>Suggested route</i>	Việc làm trong 90 ngày <i>First 90 days</i>	Vướng mắc hay gặp <i>Common obstacle</i>
<i>Already in stores, purchasing or administration</i>	việc cũ <i>Ask for a transfer to accounting inside the same company, with a handover record for the old duties</i>	phiếu kho <i>Study alongside the old job; take low-risk tasks first, such as preparing vouchers and matching stock vouchers</i>	<i>Caught by Decree 174, Article 19(3) if still holding stores or cash</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Lan và Bình cùng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh, bảng điểm mỗi người 2.250 tiết. Ngưỡng 7% là $2.250 \times 7\% = 157,5$ tiết, tức tối thiểu 158 tiết. Lan có 150 tiết thuộc nhóm tài chính, kế toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế (60 + 45 + 15 + 30), đạt 6,7%, thiếu 8 tiết nên chưa đủ điều kiện về bằng; Lan phải dùng đường chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng kế toán bổ sung. Bình có 171 tiết (60 + 63 + 18 + 15 + 15), đạt 7,6%, đủ điều kiện về bằng và chỉ còn phải chờ đủ 36 tháng công tác thực tế.

Lan and Binh both graduated in Business Administration, each with 2,250 hours on the transcript. The 7% threshold is $2,250 \times 7\% = 157.5$ hours, so at least 158 hours. Lan has 150 hours in finance, accounting, financial analysis and tax (60 + 45 + 15 + 30), or 6.7%, which is 8 hours short and does not meet the degree requirement; she must use an international credential or an additional accounting qualification. Binh has 171 hours (60 + 63 + 18 + 15 + 15), or 7.6%, and meets the degree requirement; he only has to wait until he has 36 months of practical work.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đóng tiền học chứng chỉ hoặc khóa ôn thi khi chưa đếm số tiết trong bảng điểm. TT 91 Điều 4 khoản 2 tính theo tổng số học trình hoặc tiết học của các môn tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế trên tổng khóa học. Lấy bảng điểm có chứng thực, cộng từng nhóm môn, chia cho tổng số tiết, rồi mới quyết định.

Paying for a certificate or exam course before counting the hours on the transcript. Circular 91, Article 4(2), counts credit units or hours in finance, accounting, auditing, financial analysis and tax against the whole programme. Get the certified transcript, add up each group of subjects, divide by the total hours, and only then decide.

2.3. Chứng chỉ trong nước — Domestic professional certificates

Năm loại giấy tờ nghề nghiệp có căn cứ trực tiếp trong luật. Hai loại đầu là điều kiện để làm việc ở một số vị trí; ba loại sau là điều kiện để làm nghề độc lập hoặc ký xác nhận cho người khác.

Five professional documents have a direct basis in statute. The first two are conditions for certain posts; the last three are conditions for practising independently or signing for others.

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đủ điều kiện (học viện, trường đại	Trung cấp trở lên về tài chính, kế toán, kiểm toán; 2 năm công tác từ ngày ghi trên bằng đại học, 3 năm từ ngày ghi trên bằng trung cấp hoặc cao	VBHN 39 Điều 2, 3, 9 <i>Consolidated Circular 39, Articles</i>

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
<i>training certificate</i>	học, cao đẳng, trường bồi dưỡng); phôi do Bộ Tài chính cấp <i>An approved training institution (academy, university, college or training school); blank certificates supplied by the Ministry of Finance</i>	đẳng; khóa học tối đa 6 tháng <i>Intermediate level or above in finance, accounting or auditing; 2 years from the date on a university degree, 3 years from the date on an intermediate or college diploma; course lasts at most 6 months</i>	2, 3, 9
Chứng chỉ kế toán viên <i>Accountant certificate</i>	Bộ Tài chính, sau kỳ thi do Hội đồng thi tổ chức <i>The Ministry of Finance, after an examination run by the Examination Board</i>	Đại học trở lên, ngành đúng hoặc đủ 7% số tiết; 36 tháng công tác thực tế; thi 4 môn <i>A degree in the right field or 7% of hours; 36 months of practical work; four examination papers</i>	Luật KT Điều 57; TT 91 Điều 4, 6 <i>Law on Accounting, Article 57; Circular 91, Articles 4, 6</i>
Chứng chỉ kiểm toán viên <i>Auditor certificate</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Cùng điều kiện về bằng và 36 tháng như kế toán viên; thi 7 môn, hoặc 3 môn nếu đã có chứng chỉ kế toán viên <i>Same degree and 36-month conditions; seven papers, or three if the candidate already holds the accountant certificate</i>	Luật Kiểm toán độc lập Điều 14; TT 91 Điều 4, 6 <i>Law on Independent Audit, Article 14; Circular 91, Articles 4, 6</i>
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán <i>Certificate of registration to practise accounting services</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Có chứng chỉ kế toán viên hoặc kiểm toán viên; 36 tháng công tác từ lúc tốt nghiệp đại học; tham gia chương trình cập nhật kiến thức; hợp đồng lao động toàn thời gian với doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán <i>Holds the accountant or auditor certificate; 36 months of work since graduating; completes the knowledge-update programme; full-time employment contract with an accounting service firm or household business</i>	Luật KT Điều 58; TT 296/2016, TT 23/2024 <i>Law on Accounting, Article 58; Circulars 296/2016 and 23/2024</i>
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán <i>Certificate of</i>	Bộ Tài chính <i>The Ministry of Finance</i>	Là kiểm toán viên; 36 tháng thực tế làm kiểm toán; tham gia chương trình cập nhật kiến thức; làm toàn bộ thời gian cho doanh nghiệp kiểm toán <i>Is an auditor; 36 months of actual audit</i>	Luật Kiểm toán độc lập Điều 15 <i>Law on Independent Audit, Article 15</i>

Giấy tờ <i>Document</i>	Ai cấp <i>Issued by</i>	Điều kiện chính <i>Main conditions</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
registration to practise auditing		work; completes the knowledge-update programme; works full time for an audit firm	

Chúng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng dành cho doanh nghiệp học 288 giờ trong 6 tuần, gồm hai phần: kiến thức chung 104 giờ (pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, quản lý tài chính doanh nghiệp, pháp luật về thuế, thẩm định dự án đầu tư, quan hệ tín dụng với ngân hàng) và kiến thức nghiệp vụ 184 giờ (pháp luật kế toán, tổ chức công tác kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, báo cáo tài chính và phân tích, kiểm toán). Điều kiện đạt: dự ít nhất 80% thời gian lớp của mỗi học phần, mỗi bài thi viết từ 5 điểm trở lên, thi tối thiểu 180 phút mỗi bài. Chứng chỉ có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng lần đầu (VBHN 39 Điều 7, 9, 10).

The chief accountant course for companies runs 288 hours over 6 weeks in two parts: 104 hours of general knowledge (company law, corporate financial management, tax law, investment appraisal, credit relations with banks) and 184 hours of professional knowledge (accounting law, organising accounting work, financial accounting, management accounting, financial statements and analysis, auditing). To pass, a student attends at least 80% of each module, scores 5 or more in each written paper, and sits papers of at least 180 minutes. The certificate is valid for 5 years from issue for a first appointment as chief accountant (consolidated Circular 39, Articles 7, 9, 10).

CẢNH BÁO / WARNING — VBHN 39/VBHN-BTC hợp nhất từ Thông tư 199/2011/TT-BTC; Điều 9 khoản 4 còn viện dẫn Điều 53 khoản 2 Luật Kế toán theo số điều cũ, không khớp với Luật hiện hành. Nguồn của tài liệu chưa thấy văn bản thay thế. Trước khi đóng học phí, hỏi cơ sở đào tạo văn bản nào họ dùng để mở lớp và xin xem quyết định mở khóa gửi Bộ Tài chính.

Consolidated Circular 39 is merged from Circular 199/2011/TT-BTC; Article 9(4) still cites Article 53(2) of the Law on Accounting under the old numbering, which no longer matches the current Law. The sources of this guide show no replacement text. Before paying the fee, ask the training institution which text it relies on to open the class and ask to see the course-opening decision it filed with the Ministry of Finance.

Nội dung thi <i>Content</i>	Kế toán viên <i>Accountant</i>	Kiểm toán viên <i>Auditor</i>	Kiểm toán viên (đã có KTV) <i>Auditor (holds accountant cert.)</i>
Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp <i>Economic law and Enterprise Law</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Tài chính và quản lý tài chính nâng cao <i>Advanced finance and financial management</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>

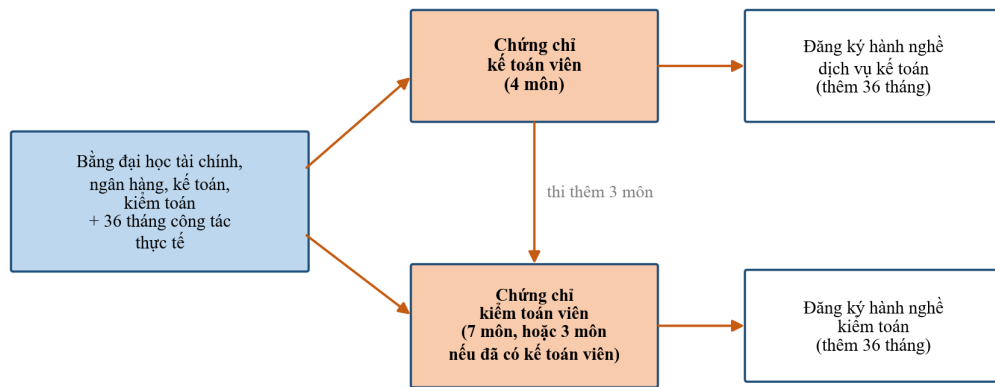
Nội dung thi <i>Content</i>	Kế toán viên <i>Accountant</i>	Kiểm toán viên <i>Auditor</i>	Kiểm toán viên (đã có KTV) <i>Auditor (holds accountant cert.)</i>
Thuế và quản lý thuế nâng cao <i>Advanced tax and tax administration</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced financial and management accounting</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao <i>Advanced auditing and assurance</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Phân tích hoạt động tài chính nâng cao <i>Advanced analysis of financial performance</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Ngoại ngữ trình độ C (một trong Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức) <i>Foreign language at level C (English, Russian, French, Chinese or German)</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Số môn <i>Number of papers</i>	4	7	3

Một môn đạt khi từ 5 điểm trở lên, điểm được bảo lưu 3 năm liên tục kể từ năm bắt đầu dự thi môn đó. Thi kế toán viên đạt yêu cầu khi đạt cả 4 môn và tổng điểm các môn còn bảo lưu từ 25 điểm; kiểm toán viên cần đạt cả 7 môn và tổng điểm các môn bảo lưu, không tính ngoại ngữ, từ 38 điểm (TT 91 Điều 18).

A paper is passed at 5 points or more, and the score is kept for 3 consecutive years from the year the candidate first sits that paper. The accountant examination is passed when all 4 papers are passed and the retained scores total at least 25; the auditor examination requires all 7 papers and retained scores, excluding the language paper, totalling at least 38 (Circular 91, Article 18).

CẢNH BÁO / WARNING — Thông tư 91/2017/TT-BTC đã được Thông tư 22/2024/TT-BTC sửa đổi, bản sửa đổi chưa nằm trong nguồn của tài liệu này. Môn thi, điều kiện về bằng và thời gian công tác nêu trên theo bản gốc; đối chiếu thông báo kỳ thi của Bộ Tài chính trước khi đăng ký.

Circular 91/2017/TT-BTC was amended by Circular 22/2024/TT-BTC, and the amendment is not among the sources of this guide. The papers, degree conditions and work-experience rules above follow the original text; check the Ministry of Finance's examination notice before registering.



Hình 2.2. Từ bằng đại học đến chứng chỉ và đăng ký hành nghề

Figure 2.2. From a university degree to certificates and practising registration

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho thuê hoặc thuê chứng chỉ kế toán viên, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề để công ty đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Luật Kế toán Điều 13 khoản 9 cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các giấy tờ này dưới mọi hình thức. Người đứng tên ký hồ sơ chịu trách nhiệm về số liệu như người trực tiếp làm.

Hiring out, or hiring, an accountant certificate or practising registration so that a firm meets the licensing conditions for accounting services. Article 13(9) of the Law on Accounting prohibits hiring, borrowing, lending or letting these documents in any form. The person who signs the file answers for the figures as if he or she had done the work.

2.4. Điều kiện làm kế toán trưởng — Conditions for becoming chief accountant

Luật Kế toán Điều 54 khoản 1 đặt bốn điều kiện cho kế toán trưởng: đáp ứng tiêu chuẩn của người làm kế toán (Điều 51 khoản 1); chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trung cấp trở lên; chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất 2 năm với người có trình độ đại học trở lên, ít nhất 3 năm với trình độ trung cấp, cao đẳng. Khoản 2 giao Chính phủ quy định theo từng loại đơn vị; Nghị định 174/2016/NĐ-CP Điều 21 là văn bản đó.

Article 54(1) of the Law on Accounting sets four conditions for a chief accountant: the standards for anyone who keeps accounts (Article 51(1)); professional competence in accounting at intermediate level or above; the chief accountant training certificate; and practical accounting experience of at least 2 years for a holder of a university degree or above, and at least 3 years for an intermediate or college level. Clause 2 leaves the detail by type of entity to the Government; Decree 174/2016/ND-CP, Article 21, is that text.

Loại đơn vị <i>Type of entity</i>	Trình độ tối thiểu về kế toán <i>Minimum accounting qualification</i>	Điều khoản <i>Provision</i>
Cơ quan thu, chi ngân sách nhà nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị kế toán trực thuộc; đơn vị sự nghiệp công lập	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	NĐ 174 Điều 21 khoản 2 điểm a–d <i>Decree 174, Article</i>

Loại đơn vị <i>Type of entity</i>	Trình độ tối thiểu về kế toán <i>Minimum accounting qualification</i>	Điều khoản <i>Provision</i>
thuộc bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn của tỉnh <i>State budget revenue and spending bodies; ministries and agencies and their accounting units; public service units under a ministry or provincial People's Committee; provincial specialised agencies</i>		21(2)(a)–(d)
Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trừ nhóm dưới đây <i>Companies established under Vietnamese law, except the group below</i>	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	Khoản 2 điểm i <i>Clause 2(i)</i>
Doanh nghiệp không có vốn nhà nước, vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng <i>Companies with no state capital and charter capital below VND 10 billion</i>	Trung cấp trở lên <i>Intermediate level or above</i>	Khoản 3 điểm g <i>Clause 3(g)</i>
Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên; dưới 10 tỷ đồng <i>Cooperatives and cooperative unions: charter capital of VND 10 billion or more; below VND 10 billion</i>	Đại học trở lên; trung cấp trở lên <i>University degree or above; intermediate level or above</i>	Khoản 2 điểm k; khoản 3 điểm h <i>Clause 2(k); clause 3(h)</i>
Chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam <i>Branches of foreign companies in Viet Nam</i>	Đại học trở lên <i>University degree or above</i>	Khoản 2 điểm l <i>Clause 2(l)</i>
Đơn vị sự nghiệp công lập khác; đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường <i>Other public service units; commune and ward budget and finance accounting units</i>	Trung cấp trở lên <i>Intermediate level or above</i>	Khoản 3 điểm đ, e <i>Clause 3(đ), (e)</i>
Tổ chức, đơn vị khác <i>Any other organisation</i>	Người đại diện theo pháp luật quyết định <i>Set by the legal representative</i>	Khoản 4 <i>Clause 4</i>
Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước hoặc có trên 50% vốn nhà nước <i>Parent company that is state-owned or more than 50% state-held</i>	Thêm: ít nhất 5 năm công tác thực tế về kế toán <i>Plus at least 5 years of practical accounting experience</i>	Khoản 5 <i>Clause 5</i>

Hai điều kiện áp cho mọi loại đơn vị: chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và thời gian công tác 2 năm hoặc 3 năm theo trình độ. Không được bổ nhiệm người thuộc Điều 52 Luật Kế toán và Điều 19 Nghị định 174. Đơn vị chưa có ngay kế toán trưởng được bố trí người phụ trách kế toán tối đa 12 tháng hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng; doanh

ng nghiệp siêu nhỏ được bố trí phụ trách kế toán mà không bắt buộc có kế toán trưởng (NĐ 174 Điều 20 khoản 1, 2 điểm b; Luật KT Điều 56 khoản 4).

Two conditions apply to every kind of entity: the chief accountant training certificate and 2 or 3 years of experience according to level. A person caught by Article 52 of the Law or Article 19 of Decree 174 may not be appointed. An entity that cannot appoint a chief accountant at once may name an acting head of accounting for at most 12 months, or hire a chief accountant service; a micro-enterprise may appoint a head of accounting without a chief accountant (Decree 174, Article 20(1), (2)(b); Law on Accounting, Article 56(4)).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Công ty Hoàng Lâm có vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, không có vốn nhà nước, nên rơi vào Điều 21 khoản 3 điểm g: kế toán trưởng cần chuyên môn kế toán từ trung cấp trở lên. Hồ sơ kế toán trưởng Đặng Thị Hồng Nhung phải có bốn thứ: bằng chuyên môn; chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; xác nhận thời gian công tác kế toán (2 năm nếu bằng đại học, 3 năm nếu bằng trung cấp hoặc cao đẳng); giấy tờ chứng minh không thuộc Điều 52. Khi vốn điều lệ của công ty đạt 10 tỷ đồng, kế toán trưởng mới phải có bằng đại học. Nguyễn Minh Thu, kế toán kho, công nợ vào làm ngày 01/10/2026, chưa cần chứng chỉ nào để làm việc hiện tại.

Hoang Lam has charter capital of VND 3,000,000,000 and no state capital, so it falls under Article 21(3)(g): its chief accountant needs an accounting qualification at intermediate level or above. The file of chief accountant Dang Thi Hong Nhung must hold four things: the qualification; the chief accountant training certificate; confirmation of accounting experience (2 years with a university degree, 3 years with an intermediate or college diploma); and proof that she is not caught by Article 52. A degree becomes mandatory for the post only if the company's charter capital reaches VND 10 billion. Nguyen Minh Thu, the stock and receivables accountant who joined on 01/10/2026, needs no certificate for her current post.

GHI NHỚ / KEY POINT — Đủ điều kiện kế toán trưởng là đủ cả bốn mảnh ghép: bằng, thời gian công tác, chứng chỉ bồi dưỡng, lý lịch sạch theo Điều 52. Thiếu một mảnh thì việc bổ nhiệm là sai; Luật Kế toán Điều 13 khoản 8 cấm bố trí hoặc thuê người không đủ tiêu chuẩn Điều 51 và Điều 54.

A chief accountant is qualified only when all four pieces are in place: the qualification, the years of experience, the training certificate and a clean record under Article 52. If one is missing the appointment is wrong; Article 13(8) of the Law on Accounting prohibits placing or hiring a person who fails the standards of Articles 51 and 54.

2.5. Chứng chỉ quốc tế — International qualifications

Bảng dưới nêu bốn chứng chỉ quốc tế: chỉ gồm tên, tổ chức cấp và đối tượng hợp; điều kiện đầu vào, số môn thi và lệ phí do từng tổ chức công bố theo năm, hãy lấy bản mới nhất từ trang chính thức của tổ chức trước khi đăng ký.

The table lists four international qualifications and gives only the name, the awarding body and who it suits; entry requirements, number of papers and fees are published by each body every year, so take the latest version from the body's official site before registering.

Chứng chỉ <i>Qualification</i>	Tổ chức cấp <i>Awarding body</i>	Hợp với ai <i>Suits</i>	Khi nào nên nghĩ tới <i>When to consider it</i>
ACCA	Association of Chartered Certified Accountants (Anh) <i>Association of Chartered Certified Accountants (UK)</i>	Người làm kế toán tài chính, kiểm toán, báo cáo theo chuẩn mực quốc tế tại công ty đa quốc gia và công ty có vốn nước ngoài <i>People in financial accounting, audit and international-standard reporting at multinational and foreign-invested companies</i>	Sau 6 đến 12 tháng đi làm, khi đã quen chứng từ và sổ sách <i>After 6 to 12 months at work, once vouchers and ledgers are familiar</i>
CPA Australia	CPA Australia (Úc) <i>CPA Australia (Australia)</i>	Người định làm việc ở công ty có quan hệ với Úc, từ kế toán tài chính đến tư vấn <i>People aiming at companies linked to Australia, from financial accounting to advisory work</i>	Khi đã có bằng đại học và công việc kế toán ổn định <i>With a degree and a steady accounting post</i>
ICAEW (chứng chỉ ACA) <i>ICAEW (ACA)</i>	Institute of Chartered Accountants in England and Wales (Anh) <i>Institute of Chartered Accountants in England and Wales (UK)</i>	Người làm kiểm toán, tư vấn tài chính, thường theo đường học kèm làm việc tại công ty kiểm toán <i>People in audit and financial advisory, usually on a study-while-working path at an audit firm</i>	Khi đang làm hoặc sắp vào công ty kiểm toán có chương trình đào tạo ICAEW <i>When working at, or about to join, an audit firm with an ICAEW training programme</i>
CMA	Institute of Management Accountants (Hoa Kỳ) <i>Institute of Management Accountants (USA)</i>	Người làm kế toán quản trị, lập ngân sách, phân tích chi phí, phân tích tài chính doanh nghiệp <i>People in management accounting, budgeting, cost analysis and corporate financial analysis</i>	Khi chuyển từ kế toán phần hành sang vị trí phân tích, báo cáo quản trị <i>When moving from ledger work to analysis or management reporting</i>

Chứng chỉ quốc tế không tự động thay chứng chỉ trong nước. Luật Kế toán Điều 57 khoản 2 cho người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài, quốc tế cấp, được Bộ Tài chính Việt Nam công nhận, đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật kinh tế, tài chính, kế toán Việt Nam, thì được cấp chứng chỉ kế toán viên. Với người tốt nghiệp ngành khác, TT 91 Điều 9 công nhận văn bằng, chứng chỉ của tổ chức nghề nghiệp quốc tế khi đồng thời đủ bốn điều kiện: tổ chức là thành viên Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) và có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; đã ký thỏa thuận hợp tác về chương trình thi với Bộ Tài chính; chương trình có từ 500 đến 600 tiết học về tài chính, kế toán, kiểm toán; nội dung học, thi, cấp chứng chỉ thống nhất ở mọi quốc gia tổ chức đó hoạt động.

An international qualification does not replace a domestic certificate automatically. Article 57(2) of the Law on Accounting gives the accountant certificate to a holder of a foreign or international accountancy credential that the Vietnamese Ministry of Finance recognises, who passes an assessment on Vietnamese economic, financial and accounting law. For a graduate of another field, Article 9 of Circular 91 accepts a qualification from an international professional body only if four conditions are met together: the body belongs to the International Federation of Accountants (IFAC) and has a representative office or branch in Viet Nam; it has signed a cooperation agreement on the examination programme with the Ministry of Finance; the programme carries 500 to 600 hours in finance, accounting and auditing; and teaching, examination and award are uniform in every country where the body operates.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đóng phí học chứng chỉ quốc tế vì tin rằng sẽ được miễn thi chứng chỉ kế toán viên. Miễn thi hay không phụ thuộc vào việc Bộ Tài chính có công nhận tổ chức và chương trình cụ thể đó hay không (Luật KT Điều 57 khoản 2; TT 91 Điều 9). Hỏi tổ chức cấp bằng văn bản về trạng thái công nhận tại Việt Nam trước khi đóng tiền, và giữ bản trả lời.

Paying for an international qualification in the belief that it exempts you from the accountant examination. Exemption depends on whether the Ministry of Finance recognises that particular body and programme (Law on Accounting, Article 57(2); Circular 91, Article 9). Ask the awarding body in writing about its recognition status in Viet Nam before paying, and keep the reply.

2.6. Khi nào nên học chứng chỉ nào — Which qualification, and when

Mục tiêu nghề <i>Career goal</i>	Nên nhắm tới <i>Aim for</i>	Thời điểm hợp lý <i>Sensible timing</i>	Lý do và điều kiện <i>Reason and conditions</i>
Làm kế toán phần hành ở công ty nhỏ và vừa <i>Ledger accountant at a small or medium company</i>	Văn bằng kế toán, kỹ năng Excel và phần mềm; chưa cần chứng chỉ <i>An accounting qualification, Excel and software skills; no certificate yet</i>	Trước khi xin việc <i>Before applying</i>	Điều 51 chỉ đòi chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán <i>Article 51 asks only for accounting competence</i>
Làm kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng <i>Chief accountant training certificate</i>	Khi đủ 2 hoặc 3 năm kể từ ngày ghi trên bằng và gần được đề bạt <i>Once 2 or 3 years have passed since the date on the diploma and a promotion is near</i>	Chứng chỉ chỉ có giá trị 5 năm để bổ nhiệm lần đầu; học quá sớm là mất hiệu lực trước khi dùng <i>The certificate is valid for 5 years for a first appointment; taking it too early lets it lapse before use</i>
Hành nghề dịch vụ kế toán, đại diện thuế cho khách hàng <i>Practise</i>	Chứng chỉ kế toán viên, rồi đăng ký hành nghề <i>Accountant certificate, then practising</i>	Sau 36 tháng công tác thực tế <i>After 36 months of practical work</i>	Điều 58: 36 tháng từ khi tốt nghiệp đại học, cập nhật kiến thức, hợp đồng lao động toàn thời gian <i>Article 58: 36 months since</i>

Mục tiêu nghề <i>Career goal</i>	Nên nhắm tới <i>Aim for</i>	Thời điểm hợp lý <i>Sensible timing</i>	Lý do và điều kiện <i>Reason and conditions</i>
<i>accounting services or act for clients on tax</i>	<i>registration</i>		<i>graduating, knowledge updates, a full-time employment contract</i>
Kiểm toán độc lập <i>Independent audit</i>	Chứng chỉ kiểm toán viên (7 môn) hoặc ICAEW, ACCA kèm sát hạch <i>Auditor certificate (7 papers), or ICAEW or ACCA with the assessment</i>	Vào công ty kiểm toán ngay sau khi tốt nghiệp, thi khi đủ 36 tháng <i>Join an audit firm straight after graduation; sit the papers at 36 months</i>	Thời gian làm trợ lý kiểm toán được tính vào 36 tháng (TT 91 Điều 4 khoản 3) <i>Time as audit assistant counts towards the 36 months (Circular 91, Article 4(3))</i>
Công ty có vốn nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia <i>Foreign-invested or multinational company</i>	ACCA hoặc CPA Australia, tiếng Anh chuyên ngành <i>ACCA or CPA Australia, professional English</i>	Sau khi nắm vững chế độ kế toán Việt Nam ít nhất một chu kỳ báo cáo năm <i>After mastering Vietnamese accounting for at least one annual reporting cycle</i>	Báo cáo theo chuẩn mực quốc tế dựa trên nền sổ sách Việt Nam <i>International-standard reporting rests on the Vietnamese ledgers</i>
Kế toán quản trị, phân tích tài chính <i>Management accounting and financial analysis</i>	CMA hoặc khóa phân tích tài chính; Excel nâng cao <i>CMA or a financial analysis course; advanced Excel</i>	Sau 1 đến 2 năm làm kế toán tổng hợp <i>After 1 to 2 years as a general accountant</i>	Cần hiểu giá thành và báo cáo tài chính trước khi phân tích <i>Costing and financial statements must be understood before analysis</i>

GHI NHỚ / KEY POINT — Học chứng chỉ theo thứ tự công việc đòi hỏi, không theo thứ tự cho nổi bật. Hai chứng chỉ có hạn dùng hoặc hạn bảo lưu: chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng 5 năm, điểm thi kế toán viên và kiểm toán viên 3 năm. Tính ngày hết hạn trước khi đăng ký.

Take qualifications in the order the job demands, not in the order that looks best. Two credentials carry a time limit: the chief accountant training certificate (5 years) and examination scores for the accountant and auditor papers (3 years). Work out the expiry date before registering.

2.7. Kỹ năng cần có trước khi nhận việc — Skills to have before you start

Excel: những hàm gặp hằng ngày — Excel: the functions you will meet every day

Hàm <i>Function</i>	Dùng để <i>Used for</i>	Ví dụ ở Hoàng Lâm <i>Hoang Lam example</i>
SUM, SUMIF, SUMIFS	Cộng theo điều kiện <i>Conditional totals</i>	Tổng phát sinh bán cho Thành Đô trong tháng <i>Sales to Thanh Do in the month</i>

Hàm <i>Function</i>	Dùng để <i>Used for</i>	Ví dụ ở Hoàng Lâm <i>Hoang Lam example</i>
COUNTIF, COUNTIFS	Đếm theo điều kiện <i>Conditional counts</i>	Đếm số hóa đơn chưa có phiếu thu <i>Count invoices with no receipt</i>
VLOOKUP, INDEX và MATCH, XLOOKUP	Tra mã trong danh mục <i>Look up a code in a list</i>	Điền tên hàng và đơn vị tính từ mã SN18 <i>Fill item name and unit from code SN18</i>
IF, IFERROR	Rẽ nhánh, bắt lỗi <i>Branching, trapping errors</i>	Báo "Chưa có mã" khi mã khách hàng không có trong danh mục <i>Flag "Code missing" when a customer code is not in the list</i>
ROUND	Làm tròn tiền thuế theo đồng <i>Round tax to whole dong</i>	Thuế GTGT 8% trên 464.000.000 đồng <i>8% VAT on VND 464,000,000</i>
EOMONTH, DATEDIF	Ngày cuối tháng, số ngày giữa hai mốc <i>Month-end date, days between two dates</i>	Tính tuổi nợ của hóa đơn bán ngày 08/10/2026 <i>Age an invoice issued on 08/10/2026</i>
TEXT	Đổi số, ngày thành chữ có định dạng <i>Turn numbers and dates into formatted text</i>	Tạo tên tệp theo ngày chứng từ <i>Build file names from voucher dates</i>

```
=SUMIFS(D:D,B:B,"TD",A:A,">="&DATE(2026,10,1))
=ROUND(D2*8%,0)
=IFERROR(VLOOKUP(B2,DanhMuc!A:C,3,FALSE),"Chưa có mã")
=EOMONTH(A2,0)
=DATEDIF(A2,DATE(2026,10,31),"d")
=TEXT(A2,"dd/mm/yyyy")
```

GHI CHÚ / NOTE — Excel đặt dấu phân cách đổi số theo vùng của Windows hoặc macOS: máy đặt vùng Việt Nam thường dùng dấu chấm phẩy thay dấu phẩy. XLOOKUP có ở Microsoft 365 và Excel 2021, 2024; Excel 2019 trở về trước báo lỗi #NAME?.

Excel takes its argument separator from the regional settings of Windows or macOS: a machine set to Viet Nam often uses a semicolon in place of a comma. XLOOKUP exists in Microsoft 365 and Excel 2021 and 2024; Excel 2019 and earlier return #NAME?.

Sáu kỹ năng còn lại — The other six skills

Kỹ năng <i>Skill</i>	Việc cụ thể trong ngày làm việc <i>What it means on the job</i>	Cách luyện trong 4 tuần <i>How to practise in 4 weeks</i>
Phần mềm kế toán <i>Accounting software</i>	Nhập danh mục khách hàng, vật tư, tài khoản; nhập chứng từ; khóa sổ; sao lưu dữ liệu <i>Enter customer, item and account lists; post vouchers; close the period; back up data</i>	Dùng bản học thử của một phần mềm, nhập lại các nghiệp vụ mua, bán của Hoàng Lâm tháng 10/2026 <i>Use a trial version and re-enter the purchase and sales transactions of Hoang Lam for October 2026</i>
Đọc văn bản pháp luật <i>Reading legislation</i>	Tìm đúng Điều, đọc cả khoản và điểm, ghi số hiệu và ngày hiệu lực, kiểm văn bản sửa đổi <i>Find the right Article, read the clauses and points, note the number and effective date, check for amendments</i>	Mỗi ngày tra một câu hỏi trong Luật Kế toán và ghi số Điều vào sổ tay <i>Look up one question a day in the Law on Accounting and note the Article in a notebook</i>
Tiếng Anh chuyên ngành <i>Professional English</i>	Đọc hợp đồng, hóa đơn, sao kê ngân hàng bằng tiếng Anh; làm việc với kiểm toán và đối tác nước ngoài <i>Read English contracts, invoices and bank statements; deal with auditors and foreign partners</i>	Học 10 thuật ngữ mỗi tuần từ danh mục cuối cuốn sách này và đặt mỗi từ vào một câu <i>Learn 10 terms a week from the glossary at the end of this book and use each in a sentence</i>
Giao tiếp và đối chiếu số liệu <i>Communication and reconciliation</i>	Hỏi kho, kinh doanh, ngân hàng; lập biên bản đối chiếu công nợ; nhắc nợ bằng thư điện tử <i>Query stores, sales and the bank; draw up debt confirmation records; send payment reminders by email</i>	Viết biên bản đối chiếu công nợ Thành Đô với số dư 1.236.600.000 đồng cuối tháng <i>Write a confirmation record for Thanh Do with the month-end balance of VND 1,236,600,000</i>
Cẩn thận <i>Accuracy</i>	Soát tổng Nợ bằng tổng Có, soát tên và mã số thuế trên hóa đơn, soát làm tròn <i>Check debits equal credits, names and tax codes on invoices, rounding</i>	Mỗi bút toán tự soát hai lần ở hai thời điểm cách nhau ít nhất một giờ <i>Re-check every entry twice, at least an hour apart</i>
Bảo mật <i>Confidentiality</i>	Giữ mật khẩu phần mềm, cổng thuế, ngân hàng điện tử và chữ ký số ở người được giao; không chia sẻ số liệu công ty <i>Keep software, tax portal, e-banking and digital-signature credentials with the assigned person; share no company figures</i>	Lập danh sách ai giữ gì trong bộ phận, không cất mật khẩu chung ở tệp dùng chung <i>List who holds what in the department; keep no shared passwords in a shared file</i>